

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 61, Chúa Nhật 24.02.2008

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội - Lumen Gentium Vatican
2

Học Hỏi Học Thuyết Xã Hội Công Giáo
Huynhquảng

Đầu Xuân Đọc "Spe Salvi – Hi vọng ki-tô giáo" Phạm Hồng-
Lam

CUỘC SỐNG KHÔNG CÔNG BẰNG Nhà Văn Hương Vĩnh chuyển
ngữ

BẰNG HÀNH ĐỘNG, KHÔNG BẰNG LỜI NÓI Lm. Lê Văn Quảng

Biến hình là hiển mình Lm Jos. Phạm Ngọc Ngôn,
Csjb

THỰC SỰ CÓ SATAN, VÀ ĐỨC KITÔ ĐÃ THẮNG NÓ GLV. Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ

Ý NGHĨA NGÀY LỄ TÌNH YÊU Nhà Văn Xuân Vũ Trần Đình
Ngọc

Bạn ca ngợi Chúa Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy,
pss.

Tình Bằng Hữu - Bạn Già Bác Sĩ Nguyễn
Ý-Đức

TẾT TÂY, BÀN VỀ TÂY VÀ TA - Chuyện phiếm của Gã
Siêu.

Lời Giới Thiệu Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội - Lumen Gentium

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội

Lumen Gentium

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Giới Thiệu

Căn cứ vào những vấn đề đã được trình bày, ngày nay ai cũng công nhận Hiến Chế tín lý về Giáo Hội là then chốt của cả Công Đồng Vaticanô II. Là vì, sau thế chiến thứ nhất, vấn đề bản tính Giáo Hội đã trở thành trọng tâm của các cuộc tranh luận về thần học. Quả thực các

Công Đồng trước, như lịch sử chứng minh, đã luôn cố gắng đưa ra những giải đáp thích hợp với nhu cầu thời cuộc; nhưng vấn đề bản tính sâu xa của Giáo Hội vẫn còn là trọng tâm cho các cuộc tranh luận và cho các quyết định của Công Đồng Vaticanô II.

Người ta có thể viện dẫn nhiều lý do lịch sử, xã hội, thần học để giải thích cho sự tập trung chủ đề ấy về Giáo Hội.

Công Đồng Vaticanô I, do những đòi hỏi của thời cuộc, đã khởi sự suy tư về bản tính thần học của Giáo Hội. Tuy nhiên, chương trình quá rộng rãi và hoàn cảnh chính trị bất lợi đã không cho phép công cuộc khẩn thiết ấy được kết thúc tốt đẹp. Bởi vậy, những chương trình dang dở của Vaticanô I cần phải được bổ túc cấp thời, nếu không, khoa Giáo hội học có nguy hiểm là quá thiên về một phía, tức về quyền tối thượng của Giáo Hoàng Rôma và các quyền bính của Ngài, dễ làm phung hại đến những giá trị khác trong Giáo Hội.

Hơn nữa, sau thế chiến thứ nhất, một tình trạng mới đã nảy sinh, lôi kéo theo một lối nhìn mới về Giáo Hội và một cách thức cảm nghiệm mới về những thực tại của Giáo Hội. Để có lối nhìn mới đó - ngoài những yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội mà chúng ta không muốn nhắc tới ở đây - chúng ta hãy nêu lên những động lực sau đây thuộc khoa Giáo hội học đã gây nên một ảnh hưởng không nhỏ:

a) Phong trào Công giáo Tiến Hành hoặc những phong trào tương tự trong giáo dân đã cổ vũ một tinh thần tông đồ mới và đồng thời làm cho họ tin tưởng cách chính đáng là họ thuộc về Giáo Hội nhiều hơn. Sự ý thức "thuộc về" sâu xa hơn ấy tiến triển dần dần trong cộng đoàn Giáo Hội. Giáo Hội không được coi là một thực tại dành riêng cho các giáo sĩ nhưng cho hết mọi người cùng sống, cùng khổ và cùng làm việc trong đó. Như thế, khoa thần học về giáo dân được phát huy một cách đặc biệt và sống động, nêu ra mỗi suy tư thần học về Giáo Hội.

b) Sự suy tư thần học này đã giúp nhiều cho lối nhìn mới về Giáo Hội, vì đã áp dụng những tiến bộ của các khoa Thánh Kinh, lịch sử và nhân văn. Thật vậy, thần học phô bày ý nghĩa xã hội gắn liền với chính nhân vị. Sự liên hệ giữa đặc tính xã hội hóa đang vươn lên và ý thức mãnh liệt về địa vị con người không thể không bày tỏ mỗi suy tư thần học về Giáo Hội. Do đó mà khoa Giáo hội học ngày nay có những khía cạnh xã hội và nhân loại, huyền nhiệm và tượng trưng để đối kháng với một khoa Giáo hội học nặng tính cách pháp lý trước đây.

c) Phong trào hiệp nhất cũng ảnh hưởng đến sự biến đổi này. Ước nguyện hiệp nhất tạo nên những cuộc đối thoại về thần học, trong đó các vấn đề không được thảo luận đặt trong tình trạng tương phản biện chứng với các ý kiến khác nhau. Nhờ thế mà những trực giác về bản tính Giáo Hội nhất thiết phải phát hiện.

Những điều đó đặt ra cho Giáo Hội hai việc cần thực hiện: làm sáng tỏ và tìm hiểu các vấn đề của Giáo Hội trong toàn bộ. Đã đến lúc Giáo Hội càng ngày càng phải nghiên cứu, đào sâu và diễn tả chân lý về chính mình. Ngoài ra, ý thức về chính mình cũng cần được xếp đặt cho có hệ thống theo tính cách năng động cổ truyền.

Cần nói thêm rằng "trực giác minh bạch về sự kiện này là: cộng đoàn Kitô giáo chắc chắn sẽ không theo kịp bước tiến của thế giới ngày nay và phải chịu tăng triển chậm chạp dù đã đi tiên phong về vấn đề Giáo hội học", trực giác ấy không thể không buộc Giáo Hội suy nghĩ về những trách vụ cấp bách của mình, cũng như không thể không buộc Giáo Hội phải làm cho tổ chức của mình không còn bị cô lập, sự cô lập mà Giáo Hội có thể rơi vào.

Những điều nói trên cho ta thấy một hình ảnh khá chính xác của một khoa Giáo hội học tiền Công Đồng:

a) Trước hết nó mang tính chất **đối thoại**. Đối thoại chân thành và cởi mở với mọi thực tại thụ tạo, trong đó ý định cứu rỗi của Thiên Chúa được hoàn tất. Giáo Hội không thể chỉ tự giải thích về bản chất của mình, nhưng còn cần phải tự đàm thông với người khác: với các Kitô hữu không công giáo và với một thế giới thờ ơ với ơn cứu rỗi.

b) Tuy nhiên, cuộc đối thoại - dù cần thiết - cũng không thể tự hạn chế vào việc thông cảm đơn thuần nhằm mục đích hiểu biết. Nhưng Giáo Hội còn phải đi sâu vào những nguyện vọng của mọi người. Giáo Hội phải hiện diện với mọi thực tại và với những nỗ lực của mọi người để làm cho xã hội nên tốt đẹp hơn. Bởi vậy, khoa Giáo hội học cũng mang tính chất **nhập thế** vì Giáo Hội hiện diện sống động theo kiểu Chúa Kitô, hầu có thể cứu chuộc thế giới.

c) Muốn thế, cần phải có sự canh tân tận bên trong, phải cải tổ cơ cấu, phải mở rộng tới những cách thức hiện hữu mới, mà không làm Giáo Hội mất sự **canh tân và cải tổ**. Khuynh hướng cải tổ, tuy đôi khi đi đến tận căn và thái quá, nhưng nói chung vẫn có giới hạn chính đáng, rõ ràng, theo câu châm ngôn cổ truyền: "Giáo Hội phải được cải tổ không ngừng".

d) Khuynh hướng cải tổ trong khoa Giáo hội học nói lên một tính chất tiêu biểu khác: tính chất **hiệp thông**. Giáo Hội phải là trung tâm hiệp thông nhân loại trong các hoạt động thể tục cũng như trong các hoạt động tôn giáo. Bởi vậy, Giáo Hội như là bí tích tạo nên sự hiệp thông ấy.

Những đặc điểm trên của khoa Giáo hội học ngày nay được thu thập và chấp nhận trong văn kiện mà chúng ta sẽ giải thích sau đây. Chắc hẳn, văn kiện chúng ta hiện có không phải chỉ được soạn thảo một lần. Trong Giáo Hội vẫn còn nhiều chống đối với lối nhìn vấn đề theo cách thức mới mẻ này: Có hai khuynh hướng xuất hiện trong các cuộc thảo luận ở Công Đồng: khuynh hướng thứ nhất ủng hộ quan niệm hiện tại mới mẻ và sống động hơn về Giáo Hội mà yếu tính là như một sự hiệp thông với mẫu nhiệm đời sống Ba Ngôi; khuynh hướng thứ hai coi Giáo Hội như một thể chế, một xã hội hoàn hảo giữa lòng thế giới, có những bốn phận và quyền lợi riêng. Đây chỉ là những vấn đề được nhấn mạnh vì không bên nào cho quan điểm đối lập là sai. Chính vì đó mà giai đoạn khởi đầu của văn kiện đã trở nên rất sôi nổi, lâu dài và đôi khi bị đứt. Chúng ta sẽ cố gắng rút ra những đường nét chính từ việc soạn thảo này.

Lược đồ đầu tiên gồm một tập dày 123 trang đã được gửi đến các Giám Mục vào tháng 11 năm 1962. Lược đồ gần như là một bản toát yếu các vấn đề mà trước khi họp Công Đồng, Đức Gioan XXIII đã hỏi ý kiến cả thế giới. Lược đồ gồm 11 chương và một phụ trương, trong đó không thấy có những tiêu chuẩn rõ rệt. Đây là những vấn đề được bàn đến: về bản tính của Giáo Hội chiến đấu ở trần gian; về những phần tử của Giáo Hội chiến đấu và về việc Giáo Hội cần cho ơn cứu rỗi; về chức Giám Mục chính tòa; về các bậc sống theo đường lối hoàn hảo của Phúc Âm; về giáo dân; về quyền giáo huấn của Giáo Hội; về uy quyền và sự vâng phục trong Giáo Hội; về liên quan giữa Giáo Hội và chính quyền; về sự cần thiết của Giáo Hội để loan báo Phúc Âm cho mọi dân tộc trên khắp mặt đất; về sự hiệp nhất. Trong phần phụ trương còn thêm lược đồ về "Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ nhân loại".

Lược đồ đầu tiên ấy được thảo luận trong kỳ họp thứ nhất (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 12 năm 1962 trong 6 phiên họp: phiên họp khoáng đại thứ 31 tới 36). Tất cả đồng thanh dành ưu tiên cho đề tài về Giáo Hội nhưng cũng có đôi điều chỉ trích: lược đồ thiếu liên kết và tổng hợp, không nêu ra những đường nét chủ chốt. Người ta còn mong muốn một lược đồ có tầm mức mục vụ hơn. Về nội dung, nhiều Nghị Phụ nhấn mạnh cần phải lưu ý tới những viễn tượng rộng lớn hơn của khoa thần học hiện đại, bởi vì cái gọi là "mới", thường chỉ là một ý thức sắc bén hơn về một chân lý đã quá xa xưa. Cần nhấn mạnh khía cạnh Giáo Hội là cộng đoàn thiêng liêng, là hiệp thông và mẫu nhiệm, hơn là khía cạnh Giáo Hội là một xã hội hoàn hảo. Một cách tiêu cực, người ta chỉ trích lược đồ đầy vẻ phô trương thanh thế (trình bày Giáo Hội như một thể lực đi từ chiến thắng này tới chiến thắng khác), quá thiên về giáo sĩ (giản lược đời sống Giáo Hội vào hoạt động của giáo phẩm mà gạt giáo dân ra ngoài), có tính cách pháp lý (quá nhấn mạnh những yếu tố pháp lý, vì dù có cần thiết và chính yếu thật,

chúng không phải là những yếu tố duy nhất trong Giáo Hội). Một cách tích cực, người ta muốn lược đồ đề nghị phải trình bày một Giáo Hội thấm nhuần tinh thần Phúc Âm, nghĩa là một tinh thần cởi mở và phổ quát, một tinh thần truyền giáo, một tinh thần khiêm tốn và phục vụ. Có lưu ý đến những điều đó rồi mới thấy việc sửa chữa lại lược đồ là việc làm không thể tránh được.

Theo sự chỉ dẫn của Công Đồng, ủy ban thần học bắt tay vào việc trong thời gian giữa kỳ họp nhất và kỳ họp hai. Ủy ban lưu tâm vào phần trên của lược đồ sơ khởi: phần dưới, ủy ban chỉ giữ lại một vài đoạn và đưa lên một trong các chương trên. Văn thể cũng được sửa lại hết. Tất cả chỉ còn lại 4 chương và được gửi tới các Nghị Phụ vào mùa hè năm 1963. Bốn chương đó bàn về:

I. Mầu nhiệm Giáo Hội.

II. Cơ cấu phẩm trật Giáo Hội, đặc biệt về chức Giám Mục.

III. Dân Chúa, đặc biệt về giáo dân.

IV. Lời kêu gọi nên thánh trong Giáo Hội.

Trước kỳ họp hai, theo sự gợi ý bằng giấy viết của nhiều Nghị Phụ, thứ tự này đã được sửa đổi. Ủy ban chấp thuận. Và đây là thứ tự mới: các đoạn mà toàn thể có đặc điểm về Dân Chúa đều được rút ra khỏi các chương I và III. Những yếu tố này được đặt trong một phần khai triển mới, nằm ngay sau phần trình bày về mầu nhiệm Giáo Hội và trước phần nói về phẩm trật. Chương III không còn đề cập đến Dân Chúa, nhưng chỉ bàn về những phần tử của Dân Chúa trên toàn thể giới, tức là giáo dân. Sau cùng là tu sĩ được đề cập rõ ràng trong tựa đề của chương IV.

Trong nghị trường, các Nghị Phụ thảo luận theo cách chia sơ khởi là bốn chương. Các thảo luận kéo dài từ ngày 30 tháng 9 đến 31 tháng 10 năm 1963. Bản trình bày mới được tiếp nhận nồng hậu. Hầu như toàn thể các phiếu (2,301 chống với 43) đều chấp thuận coi nó như nền tảng cho việc tranh luận. Nhưng hai khuynh hướng thần học, như chúng ta đã nói trên, tiếp tục biện hộ cho quan điểm của mình. Phần đông các Giám Mục hoan hỉ và hài lòng về lối trình bày tỉ mỉ và nhận định rằng toàn bộ từ đây đã được xây dựng vững chắc hơn. Các ngài vui mừng đón nhận những ý kiến gợi lên việc hiệp nhất và mục vụ. Các cuộc thảo luận trở nên gay go khi bàn về Giám Mục Đoàn (chương II). Người ta sợ Giám Mục Đoàn sẽ phương hại tới quyền tối thượng của Giáo Hoàng. Một cuộc bỏ phiếu để làm sáng tỏ đã được tổ chức ngày 30 tháng 10 năm 1963. Kết quả là đa số nghiêng về Giám Mục Đoàn. Tuy nhiên các cuộc thảo luận vẫn tiếp diễn và cũng nhờ có thảo luận mà cơ cấu của lược đồ thay đổi dần dần. Một cơ cấu mới hình thành. Chủ đề Dân Chúa làm thành chương II và tiếp theo sau là chủ đề về Phẩm Trật. Các tu sĩ xin Công Đồng bàn về họ trong một chương biệt lập. Chương IV của lược đồ phân thành hai: lời kêu gọi nên thánh (chương V) và các tu sĩ (chương VI). Sau các cuộc thảo luận khá sôi nổi và sau một cuộc bỏ phiếu với kết quả sát nút, Công Đồng quyết định cho xen lược đồ về Đức Mẹ vào Hiến Chế về Giáo Hội (Chương VIII). Sau cùng, Công Đồng còn thêm một chương khác (chương VII) nói về đặc tính cánh chung của Giáo Hội, về sự liên lạc giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời. Đó là diễn tiến của bản văn chung quyết như chúng ta hiện có.

Theo cách sắp xếp hiện thời, thì cứ hai chương một đi với nhau, theo một thứ tự hợp lý, có lẽ không ngờ tới, nhưng dễ biện minh:

1) Hai chương đầu nói về **mầu nhiệm Giáo Hội**, trước hết theo chiều hướng siêu việt, sau đó theo hình thức lịch sử. Những đặc điểm căn bản của Giáo Hội như phương tiện cứu rỗi đều thấy xuất hiện trong suốt cả hai chương. Cách mô tả giản dị nhưng không một ai có thể nghi ngờ về ý tưởng phong phú của chúng.

2) Hai chương kế tiếp mô tả **cơ cấu hệ thống** của cộng đoàn được Chúa Kitô thiết lập. Các mục tử giảng dạy, thánh hóa và cai trị. Còn giáo dân, dưới sự chỉ dẫn của các ngài, tham

gia vào một công trình cứu độ: đó là hai mặt của một bức hình: một mặt là chương III nói về Phẩm Trật và mặt kia là chương IV, về Giáo Dân.

3) Sau đó, lược đồ chú ý tới **sứ mệnh cốt yếu** của Giáo Hội tức là việc thánh hóa mọi phần tử trong Dân Chúa. Đời sống tu trì gắn liền với mục đích ấy và đó là lý do khiến Giáo Hội coi nó là quan trọng và rất lưu tâm đến. Xét trên bình diện này, người ta không còn để ý tới sự phân biệt giữa giáo phẩm và giáo dân. Đức ái hoàn hảo là luật sống độc nhất cho mỗi người, trong khi đó không phải ai cũng giữ qui luật đời tu. Phản đối nguyên tắc này có nghĩa là không biết đến giá trị Kitô giáo của hôn nhân và gia đình.

4) Chúng ta đi hai chương cuối cùng: chương VII trình bày sự **bành trướng cánh chung** của Giáo Hội trong huy hoàng và trong cộng đoàn các Thánh; chương VIII và cũng là chương sau cùng, bàn về **địa vị và sứ mệnh của Đức Trinh Nữ**, Mẹ Chúa Kitô và Mẹ nhân loại, ở trong cộng đoàn có Ngài là kiểu mẫu và là Đấng bảo trợ. Nhờ có chung nền tảng mà hai chương này liên kết được với nhau. Cả hai cùng hướng về cuộc kết thúc huy hoàng, lúc đó bóng đêm của mầu nhiệm sẽ nhường chỗ cho ánh sáng.

Sau các cuộc thảo luận gay go và nhiều lần bỏ phiếu, người ta đã đi đến kết thúc. Nhưng một thiểu số ngoan cố không chịu khuất phục. Để xoa dịu và để mọi người đồng thanh chấp nhận một vấn đề quan trọng như thế - một sự đồng thanh cần thiết trong tất cả các quyết định của Công Đồng - ngày 16 tháng 11 năm 1964, Đức Giáo Hoàng đã đề nghị với Công Đồng để thêm một phần "chú thích sơ khởi" cho chương III của Hiến Chế. Giáo lý của chương III trong Hiến Chế phải được giải thích và được hiểu theo phần chú thích này. Một số đông các Nghị Phụ bối rối về phần chú thích, nhưng dường như không có lý do. Thật vậy, phần đó không chứa đựng điều gì thực sự mới mẻ nhưng chỉ giải thích rõ rệt hơn một vài ý niệm pháp lý, vì có một số Nghị Phụ dựa vào những ý niệm này để bênh vực cho những thắc mắc của các ngài. Cũng nên biết rằng, phần chú thích sơ khởi ấy tương ứng với phần giải thích rất tỉ mỉ về 5 vấn đề đặt ra ngày 30 tháng 10 năm 1963, phần giải thích mà ngay cả những vị bấy giờ thắc mắc với phần chú thích cũng đã không ngần ngại bỏ phiếu chấp thuận. Lời diễn tả ở hai phần kể là như nhau. Khi mây đen dần dần tan biến, người ta đã xóa tan được những ngộ nhận sau cùng, nhờ xem kỹ lại phần chú thích sơ khởi. Trong cuộc đầu phiếu ngày 19 tháng 11 năm 1964 về toàn bộ lược đồ, chỉ còn 10 phiếu chống; trong cuộc đầu phiếu chung quyết trọng thể ngày 21 tháng 11 năm 1964, số phiếu chống trụt xuống còn 5. Như thế kể là mọi người đã đồng thanh chấp nhận.

Sau phần phác họa về lịch sử các biến cố, chúng ta sang phần phân tích bản văn, đi theo thứ tự của Hiến Chế. Mục đích mà chúng ta muốn nhắm tới là: qua những chú thích đơn sơ vắn tắt, chúng ta sẽ trung thành hết sức có thể với điều Công Đồng giảng dạy. Chúng ta nhắm đến phần chính yếu, tìm cách xác định nội dung những điều Công Đồng quả quyết và bỏ qua những điều giải thích sâu rộng hơn cũng như những vấn đề đang được các thần học gia tranh luận.

VỀ MỤC LỤC

Học Hỏi Học Thuyết Xã Hội Công Giáo

II. Con Người

A. Phẩm Giá, Sự Tự Do và Tính Xã Hội (số 39 – 65)

11. HTXHCG đề cập đến phẩm giá con người như thế nào?

Phẩm giá con người được biểu lộ trong nguồn gốc và cùng đích của chính mình. Vì được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa và được cứu độ bằng Máu thánh của Đức Kitô, nên con người được trở thành con Thiên Chúa, là đền thờ sống động của Chúa Thánh Thần, và được chia sẻ đời sống vĩnh cửu với Thiên Chúa. Vì lý do này, bất cứ sự xúc phạm nào đến

phẩm giá con người đều là sự xúc phạm đến chính Thiên Chúa, Đấng tạo dựng con người.

12. Giáo hội bảo vệ phẩm giá con người như thế nào?

Giáo hội kiên quyết bảo vệ phẩm giá con người dưới mọi hình thức. Nhất là đối với những luồng tư tưởng coi thường phẩm giá con người, và cả những luồng tư tưởng thần tượng hóa con người. Vì không có luật nào của loài người, dù khôn khéo và bảo đảm đến đâu, có thể sánh được với luật Tin Mừng của Đức Kitô mà Giáo hội được ủy thác. Tôn trọng phẩm giá con người là chu toàn luật Tin Mừng của Đức Kitô.

13. Chúng ta có trách nhiệm liên đới trong việc bảo vệ phẩm giá con người không?

Thưa có. Phẩm giá con người mang một giá trị siêu việt. Vì được tạo dựng bởi Thiên Chúa, nên tự bản chất con người luôn hướng về Đấng đã tạo nên mình và đồng thời họ cũng không ngừng hướng đến đồng loại mang cùng phẩm giá như mình. Vì thế, kiến tạo hạnh phúc cho mỗi cá nhân là thúc đẩy điều thiện hảo cho cộng đồng nhân loại, mà mỗi cá nhân là thành phần trong cộng đồng ấy. Vậy, trách nhiệm liên đới là quyền và bổn phận cần được thúc đẩy và tôn trọng.

14. HTXHCG đề cập đến sự tự do của con người như thế nào?

Khi đề cập đến vấn đề luân lý, chúng ta không thể không đề cập đến sự tự do. Vốn mang hình ảnh của Thiên Chúa trong phẩm giá siêu việt của mình, nên sự tự do của con người, tự trong bản chất là hướng về Thiên Chúa. Vì thế, sự tự do không thể tách rời khỏi con người được. Không có một quyền lực cá nhân hay tổ chức nào có thể kiềm chế hay tước đoạt sự tự do của con người. "Con người tự do là bởi vì họ sở hữu khả năng tự quyết những gì liên quan đến sự thật và thiện hảo." (*World Day of Peace Message, 1981, #5*)

15. "Tôi muốn là gì thì làm." có phải là tự do không?

Thưa không. Vì tự do không chỉ là quyền đòi hỏi của mỗi cá nhân, nhưng còn là bổn phận đối với người khác. Tôi dùng tự do để phục vụ cho cá nhân và cộng đoàn của tôi, nhưng tôi cũng phải biết tôn trọng quyền tự do của những cá nhân và cộng đoàn khác. Điểm này như đặt giới hạn cho sự tự do, nhưng thật ra nó thật logic và phù hợp với giá trị của sự tự do: vì tất cả chúng ta đều mang tính xã hội. Trong *Bài giảng tại Baltimore, 1995*, ĐGH John Paul II nhấn mạnh: "Mọi người cần phải nhớ rằng: tự do không có nghĩa là chúng ta làm những gì chúng ta thích, nhưng là có quyền để làm những gì chúng ta phải làm".

Mặt khác, vì quá mê mải những tạo vật thế gian, có những người đã trở nên mù quáng. Họ đã lạm dụng sự tự do của chính mình, nên họ trở thành một ngục tù giam cầm chính họ. Họ phá vỡ tình huynh đệ và trở nên đối nghịch với sự thật.

còn tiếp

Huynhquảng

VỀ MỤC LỤC

Đầu Xuân Đọc "Spe Salvi – Hi vọng ki-tô giáo"

Năm trước, khi giới thiệu Thông điệp đầu tiên của mình (*Deus Caritas est* - Thiên Chúa là Tình yêu), giáo chủ Biển-đức XVI đã mời độc giả bước lên con tàu không gian, mà thi sĩ Dante (1265-1321) người Ý đã mô tả trong tập trường thi *Divina Comedia* của ông, để cùng làm một chuyến du hành vũ trụ. Đi mãi, đi mãi, xuyên hết mọi hành tinh, cuối cùng con người sẽ gặp một "Nguồn Sáng bất tận, vô biên". Nguồn sáng đó, người Ai-cập xưa có lúc gọi là thần Mặt Trời, người Hi-lạp bảo là Lửa. Mà dù với tên gọi nào đi nữa, thì Nguồn Sáng đó là "nguyên lí nền tảng" làm chuyển động và tạo nên sự sống cho vũ trụ. Và Dante gọi Nguồn Sáng đó là Thiên Chúa. Hơn một ngàn năm trước đó, tác giả Tin Mừng Gio-an lại gọi đó là Tình Yêu: "*Thiên Chúa là Tình Yêu*" (1 Yo 4, 16). Ki-tô hữu từ hai ngàn năm nay xác tín rằng,

Tình yêu Thiên Chúa chính là khởi nguồn của vũ trụ và sự sống.

Hôm nay, để giới thiệu Tông thư thứ hai "*Spe Salvi* - Hi vọng ki-tô giáo" của Giáo chủ, tôi cũng muốn mời độc giả làm một cuộc viễn hành khác, bằng chuyến xe lửa kinh dị của nhà văn Friedrich Dürrenmatt. Dürrenmatt kể trong chuyện "*Der Tunnel* - Đường hầm": Đoàn tàu đi vào một đường hầm. Hành khách trên tàu cứ tưởng đó cũng là một đường hầm như bao đường hầm khác. Có vào thì có ra. Nhưng chuyến vượt hầm cứ kéo dài mãi. Tốc độ con tàu càng lúc càng tăng. Hành khách bắt đầu đâm lo, rồi hoảng. Cuối cùng, một hành khách lấy được bình tĩnh, men lần tới phía đầu phòng lái. Phòng lái trống không! Và qua màn kính, người đó thấy con tàu cứ lao vun vút vào một vực thẳm tối đen, hun hút, kinh hoàng... Chuyện chấm dứt. Dĩ nhiên, có thể hiểu Dürrenmatt muốn dùng câu chuyện để nói lên hoàn cảnh "không người lái" của thế giới trong thời hiện đại, đặc biệt kể từ khi Friedrich Nietzsche hân hoan loan báo đã giết Thiên Chúa.

Nhưng, ta hãy trở lại chuyện con tàu. Hoạt cảnh sau đây là của người viết bài này. Khi hay biết cơ sự, trên tàu hoảng loạn, diễn ra cảnh thiên đàng lẫn địa ngục. Có vài hành khách trai trẻ, đầu chít vội mảnh khăn xanh, quần bom vào mình lao vào những nhóm hành khách khác, nổ tung. Họ cho rằng vì tội lỗi của những đám vô đạo kia nên mới ra cơ sự. Phải giết chúng để mình được cứu rỗi. Ở những toa khác, trong cơn nguy khốn chờ chết, người ta mỗi người rút vào một góc, trong số đó có cả những tên cướp đã vút đao, tinh tâm mong kịp thời còn cời bỏ được mọi ham muốn phàm trần, để nhẹ gánh vào kiếp luân hồi. Chẳng mấy ai trong họ tin có thể đạt tới vô thường, nhưng viễn ảnh vào một tình trạng bớt khổ hơn ở kiếp khác cũng làm họ an tâm đôi chút trong giờ phút lâm tử. Trong khi đó, một số tay chuyên nghề trấn lột chạy đôn đáo hết toa này sang toa kia tìm khổ chủ để xin lỗi và trả lại những gì đã bị cướp giật, vì biết rằng trước sau gì cũng phải trả lễ công lí trước toà án sau cùng. Một số hành khách mắt xanh mũi cao thì lại hốt hoảng chạy tìm giải thoát nơi các tín ngưỡng của các dân tộc sơ khai, vì họ đổ cho rằng, Thiên Chúa giáo với những giáo huấn về tội, thiên đàng, hoả ngục, ngày phán xét... đã cướp mất cái hồn nhiên ban đầu của con người và khiến họ lo sợ trước cái chết. Và họ cũng đã thấy trong một đôi toa người ta đang hoảng hốt cắt cổ mổ bụng những thiếu niên nam nữ xinh đẹp nhất để làm tế vật xoa dịu cơn thịnh nộ của thần chết. Và, đó đây trong một vài toa, văng lên trong không khí ngọt ngào tiếng ca: "*Dầu tôi đi qua thung lũng tối đây hiểm nguy, tôi vẫn không sợ gì, vì có Chúa ở bên tôi... Cây trượng và cây gậy Chúa đỡ tôi, khiến tôi an lòng...*" Người ta thấy những nhóm hành khách, không đông, quây quần bên nhau vui vẻ ca hát và cầu chúc nhau ra đi bình an. Như chẳng có chuyện gì đang xảy ra.

Chẳng nói, độc giả cũng thấy có hai hình ảnh trong hoạt cảnh trên nói lên ít nhiều thái độ và hành động của ki-tô hữu. Thái độ bình thản ca hát, vì tin tưởng và hi vọng vào sự quan phòng của Chúa. Thái độ hồi tâm quy chánh, vì nghĩ tới công lí và hồng ân của ngày phán xét. Tắt lại, vì có Chúa, nên ki-tô hữu sống "không vô vọng như những người khác." Vì tin và hi vọng vào Chúa, nên ki-tô hữu không hốt hoảng, trái lại bình tâm vui vẻ đón chờ cái chết. Họ biết, họ đã sống một cuộc đời có í nghĩa, nên nắm chắc cuộc sống của họ sẽ không kết thúc trong hư vô. Họ tin rằng, nếu thật tình sống theo lời Chúa, cuối cùng thì họ cũng được đưa vào Nguồn Sáng bất diệt trên kia, và được ở lại vĩnh viễn (sống đời đời) trong Tình Yêu sự sống đó.

Nếu chỉ muốn tóm tắt Tông thư của Giáo chủ, thì chúng ta có thể kết thúc ở đây. Vì tất cả chỉ có thế. Giáo chủ Biển-đức chỉ muốn nói lên điều này: Con người sống giữa đời cần có hi vọng, từ những hi vọng còn con thường ngày đến những hi vọng lớn hơn trong nghề nghiệp, tình yêu, gia đình... Hi vọng là những chiếc thuyền chờ tôi băng qua đôi núi, thác ghềnh cuộc đời. Hay nói như giáo chủ Biển-đức, hi vọng là cái "ẩn số không biết mà biết" đẩy ta đi tới. Mỗi hi vọng đáp ứng một nhu cầu cá biệt. Nhưng có một hi vọng chung nhất, rất ráo nhất, hầu như ai cũng đặt ra cho mình, khi đối diện với cuộc sinh tử: Làm sao để đời tôi được viên mãn hạnh phúc? Hay nói theo ngôn ngữ ki-tô giáo, làm sao tôi đạt được "sự sống đời đời", đạt tới "cứu độ"? Chỉ có Thiên Chúa, kì cùng ra, mới giúp tôi đạt đến được hi vọng đó, chứ chẳng phải là khoa học, hay lí trí hay cái gọi là "xã hội chủ nghĩa khoa học", mà con người một thời tin theo và đã thất vọng.

Lược qua vài điểm nội dung Tông thư

Nhưng, như đầu bài gợi ý, tôi muốn mời độc giả cùng đọc Thông thư, để cùng tìm hiểu và nhắc nhở nhau về cái kho tàng nền tảng thứ hai (sau *Deus caritas est*) của Ki-tô giáo, mà

giáo chủ Biển-đức đã mở ra cho chúng ta trong dịp mùa vọng – mùa của hi vọng – vừa qua.

Trong một buổi chuyện trò, một trí thức xã hội chủ nghĩa đã lớn tuổi hỏi tôi: Thưa anh, Kinh Thánh Thiên Chúa giáo viết gì trong đó, anh có thể tóm tắt cho tôi hiểu được không? Thật tình vị này muốn tìm hiểu đạo. Tôi lúc đó đã không biết phải trả lời như thế nào, phải bắt đầu từ đâu với một cuốn sách cả ngàn trang, bàn hết chuyện trên trời dưới đất, kéo dài cả nhiều ngàn năm. Làm sao có thể tóm gọn được nội dung!

Nhưng sau khi đọc được *Spe Salvi*, tôi thấy câu trả lời chẳng còn khó khăn. Toàn bộ Kinh Thánh, nói theo giáo chủ Biển-đức, được tóm lại trong chữ Tin. Tâm điểm của vấn đề là Tin. Mà Tin, theo như Kinh Thánh hiểu và Giáo hội sơ khai minh chứng, cũng đồng nghĩa với Hi vọng. *"Tin là bản chất (nền tảng/ bảo chứng) của điều ta hi vọng, là bằng chứng của những gì ta không trông thấy"* (Rom 11,1). Tiếng Đức có hai từ để dịch chữ la-tinh "Fides" (đức tin): Glauben (tin) và Vertrauen (phó thác, cậy trông). Tin là Hi vọng. Đức tin mở ra cánh cửa Hi vọng. Và Hi vọng dẫn ta tới hành động, làm đổi đời ta. *"Để mở rộng kiến thức, cần khoa học tự nhiên, nhưng để hành động, phải cần đức tin"*, Max Planck (1858-1947) nhà vật lí cha đẻ thuyết lượng tử (Quantentheorie) nổi tiếng của Đức đã khẳng định như thế. Hi vọng mở ra một tương lai cho ta vươn tới. Vì thế, cuộc đời của người theo Chúa có hậu, chứ không vô vọng *"như những người khác vì không có Chúa..."* Nhờ gặp Chúa, tin vào Chúa, mà ki-tô hữu có một cuộc sống khác, đời họ đổi khác.

Trải dài trong lịch sử ki-tô giáo có vô số bằng chứng nói lên điều đó. Không cứ gì ở Rô-ma cổ, mà cả ở Kê Chợ, đâu đâu dân ngoại cũng trầm trồ ngỡ ngàng về "những kẻ theo đạo yêu thương". Đạo gì mà quả lạ, chưa gặp nhau mà họ đã yêu nhau rồi! Nhìn vào những tấm gương mới hơn: một An-tịnh (Augustinus), một I-nhã ở Loyola, một Phan-sinh ở Assisi, một Tê-rê-xa ở Calcutta... Trác táng hay khó tính đến đâu đi nữa, sau khi gặp Chúa, đời họ chuyển hướng. Hay như tấm gương thánh Bakhita, mà giáo chủ Gio-an Phao-lô mới đưa lên bàn thánh, và đã được giáo chủ Biển-đức nêu danh trong Tông thư. Bakhita là một cô gái nô lệ ở Sudan, bị người ta năm lần bảy lượt mang ra chợ trời bán và đánh đập tàn nhẫn (với tổng cộng 144 vết theo trên mình). Cuối cùng về làm nô lệ cho một công chức, và ông này đã mang cô về Í để hầu hạ gia đình ông. Ở đây, cô đã gặp được ông Chủ lí tưởng của cô, đó là "Chủ" Giê-su, và từ đó đời cô biến đổi hoàn toàn. Thành một nữ tu hết lòng phục vụ cộng đoàn và không ngừng đi khắp đây đó để loan báo cho mọi người hay về cuộc đổi đời và về ông Chủ mới của mình.

Biến chuyển trong thời mới

Khi nhìn lại quá trình lịch sử trong mấy trăm năm gần đây, ta thấy đức tin / hi vọng ki-tô giáo bị ảnh hưởng nặng nề bởi Thời mới (từ thế kỉ 16 trở đi). Đây là thời mở màn Tiến bộ khoa học với hai hậu cảnh lớn là Lí trí và Tự do. Thời mới đã ảnh hưởng lên Hi vọng ki-tô giáo trên hai mặt. Nó làm thay đổi mục tiêu của Hi vọng, và đẩy Đức tin vào vòng cá nhân.

- Thay đổi mục tiêu Hi vọng: Cho tới lúc này, con người đặt hết hi vọng vào Thiên Chúa qua đức Ki-tô. Ngài sẽ "cứu độ" họ, bằng cách giúp họ lấy lại được những gì đã mất khi bị đuổi khỏi vườn địa đàng. Ngài sẽ mở cánh cửa hạnh phúc đời đời của "Vương quốc Thiên Chúa", để con người bước vào. Cuộc sống viên mãn là đó. Hạnh phúc tràn đầy là đó. Ôn cứu độ là đó. Chính Chúa là kẻ sẽ trao cho họ chìa khoá hạnh phúc, cuộc sống đời đời.

Nhưng tiến bộ không ngừng gia tăng của khoa học đã làm choá mắt con người. Tiến bộ khoa học dựa trên nền tảng khám phá ra các quy luật thiên nhiên. Và với những khám phá đó, con người nghĩ rằng mình đã lấy lại được địa vị bá chủ trên tạo vật của mình, cái địa vị uyên nguyên mà họ đã có khi còn trong địa đàng. Như vậy, thì tôi mới là chủ thật, chứ cần gì "cái giả thuyết Thiên Chúa" (Laplace)^[1] kia nữa. Với sức người, sỏi đá cũng thành cơm mà. Như thế, thì cần gì cái "Vương quốc Thiên Chúa" xa xôi nào nữa. Hi vọng vào Chúa giờ đây chuyển sang hi vọng vào Tiến bộ khoa học. Mà Tiến bộ khoa học cũng đồng nghĩa với khả năng bá chủ của Lí trí. Và, tôn thờ Lí trí cũng có nghĩa là phải chống lại mọi trói buộc của tôn giáo, đồng thời phải đòi cho con người được Tự do vô giới hạn. Con người giờ đây là tối cao. Nó tự đặt ra chân lí cho nó. Nó tự tạo công lí cho nó. Nó sẽ tự cứu độ nó, chẳng cần phải ai giúp. Và lịch sử kinh hoàng của thế kỉ 20 với hai trận thế chiến, với các chủ nghĩa cộng sản và phát xít, độc tài cực đoan cho thấy con tàu không người lái đã đưa nhân loại về đâu. Vì khi không còn Thiên Chúa cầm lái nữa, thì chỉ còn luật kẻ mạnh, mọi người có quyền tự do làm điều mình muốn. Hitler, Mussolini, Franco, Lenin, Stalin, Mao, Hồ, Polpot, cha con Kim Nhật

Thành, Adi Amin, Taylor ... đã hành xử cái tự do chính đáng của họ.

- Cá nhân hoá đức tin : Đã có Vương quốc con người, không cần gì hi vọng cứu rỗi nơi «Vương quốc Thiên Chúa » nữa. Thời mới và khoa học thật ra không (thể) triệt tiêu Thiên Chúa. Nhưng trước sức ép vũ bão của chúng, Ki-tô giáo đành bảo nhau mang Hi vọng rút vào sân sau cá nhân cổ thủ. Vì vậy, càng ngày nó càng bị chỉ trích mạnh mẽ. Người ta bảo rằng, Hi vọng ki-tô giáo là thứ thuần tuý cá nhân chủ nghĩa, nó giúp con người chạy trốn khỏi thế giới đầy bất hạnh, để đi tìm cứu rỗi cho riêng mình. Karl Marx đã điểm được yếu huyệt này, nên đã cổ vũ một cuộc cứu độ tập thể. Ngọn cờ tập thể này đã mê hoặc bao nhiêu thế hệ trong thế kỉ 20, đặc biệt nơi giới gọi là trí thức. Nhưng cứu độ của ông không bằng phương tiện Tình yêu (như Ki-tô giáo chủ trương), mà bằng con đường chém giết, bằng những cuộc cách mạng long trời lở đất. Nhân danh tập thể, ông coi con người cá nhân là thứ rác rưởi, dùng làm nhiên liệu cho cỗ máy cách mạng. Và lịch sử đã cho thấy chủ trương cứu rỗi tập thể và Vương quốc con người hoang tưởng do Marx và hậu duệ của ông hô hào thiết lập đã đi về đâu.

Tóm lại, để giải quyết cái khủng hoảng không người lái hiện tại của thế giới, theo giáo chủ Biển-đức, một đảng Thời mới phải tự kiểm điểm, bằng qua đối thoại với Ki-tô giáo và bằng cách tìm hiểu khái niệm Hi vọng của nó; đảng khác Ki-tô giáo cũng phải tự xét lại mình. Ki-tô giáo phải tự hỏi, đâu là nội dung Hi vọng thực sự của mình, và Hi vọng đó có thể và không có thể mang lại ơn ích gì cho thế giới? Còn Thời mới sẽ phải tự hỏi, đâu là thực chất của Tiến bộ, nó hứa hẹn gì và không hứa hẹn gì? Bởi vì, nếu Tiến bộ kĩ thuật không đi đôi với sự tăng trưởng đạo đức, thì nó sẽ chẳng phải là tiến bộ, mà là mối đe dọa cho nhân loại và thế giới, như ta đã và đang thấy. Thời mới cũng phải hỏi, đâu là biên giới của Lí trí và Tự do:

« Phải chăng thứ lí trí giúp mở rộng khả năng thể chất của ta và giúp ta hành động đã là toàn bộ lí trí? Nếu tiến bộ đòi hỏi sự gia tăng đạo đức của nhân loại, thì loại tiến bộ về khả năng và hành động cũng nhất thiết phải được bổ túc, bằng cách nó phải mở ra cho lực cứu độ của đức tin và cho sự phân biệt tốt xấu. Chỉ có như thế, nó mới là lí trí con người đích thực. Để được gọi là lí trí con người, lí trí đó phải có khả năng hướng đạo cho í muốn; và để làm được điều này, lí trí đó dứt khoát phải vượt lên trên chính nó. Nếu không, thì với tình trạng mất thăng bằng giữa một bên là khả năng thể chất và bên kia là thiếu phán đoán của con tim, con người sẽ trở thành mối đe dọa cho chính mình và cho tạo vật. Về "tự do" cũng vậy. Ta phải nhớ rằng, tự do con người luôn đòi hỏi một sự song hành của nhiều tự do. [Tự do cũng có nghĩa là tự do làm điều xấu] Nhưng, không thể có được sự song hành này, nếu như các tự do đó không được chỉ đạo bằng một khuôn thước nội tâm chung, và khuôn thước này là nền tảng và là mục tiêu tự do của chúng ta. » (23)

Môi trường học hỏi và đào luyện Hi vọng.

Tông thư gồm 50 đoạn, nội dung tương đối ngắn (*bản dịch Việt ngữ có thể lấy xuống từ www.liendo.net*), nhưng trọng lượng khá nặng, vì sự súc tích và chiều sâu kiến thức của nó. 31 đoạn đầu bàn về lí thuyết, mà chúng ta đã lược qua một vài điểm trọng yếu trên đây. Đoạn 32 tới 48 trình bày phần thực hành Hi vọng. Hai đoạn cuối là một bài ca tuyệt đẹp về Mẹ Maria như là mẫu gương Hi vọng.

Về môi trường học tập và thực hành Hi vọng, Giáo chủ kể ra ba : Cầu nguyện, Hành động và khổ đau, Cuộc phán xét.

Cầu nguyện là môi trường căn bản đầu tiên để luyện tập và thực hành đức tin. Đó là nhựa sống từ lòng đất thân cây hút vào để nuôi sống mình. Trong mục này, Giáo chủ nhắc tới gương cầu nguyện của cố hồng y Nguyễn Văn Thuận. Trải qua 13 năm tù, trong đó 9 năm biệt giam, cầu nguyện đã trở thành nguồn Hi vọng sống sót của ngài, mà ngài đã gọi đó là « Đường Hi Vọng ». Trong cầu nguyện, ta không còn cô đơn. Nỗi cô đơn của ta (Solatio), đã có một kẻ khác cùng hiện diện trong đó và được chia sẻ (Cum / Con): Con-solatio. Con đường hi vọng đó giúp tôi vươn tới, vượt lên trên cả những o ép và đầy đoạ của quyền lực chính trị. Nó giúp tôi chấp nhận và vượt thắng khổ đau, vì tôi hiểu rằng đau khổ đó làm cho đời tôi có í nghĩa. Về điểm này, Giáo chủ lại nhắc tới gương một người Việt khác, đó là thánh tử đạo Lê Bảo Tịnh (+1857). Trong lao tù, giữa cô đơn, đầy đoạ, cực hình, và hàng ngày phải chứng kiến bao cảnh phạm thượng, nhờ sức mạnh hi vọng từ đức tin, thánh nhân đã chuyển hoá đau khổ thành ra những bài ca hi vọng bất tận: Lượng tử bi Chúa tồn tại tới muôn đời! «*Giữa cơn phong ba bão táp, tôi thả neo lên tận ngai Chúa; chính Ngài là niềm hi vọng sống*

mãi trong lòng tôi », thánh Tịnh đã kết thúc chứng từ của mình với niềm tác tín đó.

Trong kho tàng Hi vọng của Giáo hội, thiếu gì và có biết bao tấm gương còn lớn hơn. Nhưng giáo chủ Biển-đức đã đưa ra những tấm gương từ hai miền đất thế giới hiện đang phải trải qua hoàn cảnh nghiệt ngã. Sudan, từ nhiều năm nay, là vùng đất của bạo lực và máu, của những tiếng gào thét thanh của hàng triệu người dân tị nạn vô tội. Hồ sơ Nguyễn Văn Lý và con đường thánh giá của cổ hồng i Thuận cũng như của Giáo hội Việt-nam cũng chẳng xa lạ gì đối với giáo chủ Biển-đức. Ở đây, tôi không có í « chính trị hoá » lá thư mục vụ của ngài. Nhưng việc ngài nêu tên hai địa danh đó lúc này không phải là không có nghĩa. Ngài muốn chia sẻ khổ đau đặc biệt với hai dân tộc qua lời nguyện hi vọng, và hơn thế, đó cũng là lời động viên gởi đến đồng đạo của ngài. **Tôi nghĩ, các cộng đoàn, tổ chức công giáo người Việt nên viết cho ngài đôi lời cảm ơn về niềm ưu ái đó. Đây là hành động biết ơn cụ thể. Đừng để lá thư tâm huyết hữu ích của ngài chìm đi như không có gì cả.** Hồng i Karl Lehmann, chủ tịch Hội đồng giám mục Đức, hôm họp báo giới thiệu Tông thư, đã thay mặt Giáo hội Đức cảm ơn giáo chủ Biển-đức đã cho họ một bài văn hay, một tài liệu bổ ích cho việc sống mùa Vọng.

Trở lại với Hi vọng và đau khổ. Cầu nguyện và Hi vọng là sự cọ xát tẩy sạch con người tôi, để tôi có thể mở lòng ra cho Chúa và tha nhân. Hi vọng chở tôi băng qua mọi thác ghềnh cuộc đời, vì tôi biết rằng đằng kia có người đang yêu tôi, đang sẵn sàng đồng hành với tôi trên con đường lữ thứ và đang đón chờ tôi nơi điểm hẹn. Và như thế, Hi vọng đẩy tôi dẫn thân hành động, góp phần đổi mới thế giới, góp tay vào việc làm giảm bớt khổ đau cho thế giới, nhất là cho những người vô tội.

Cuối cùng, toà phán xét cũng là cơ hội để tạ Hi vọng. Thiên Chúa không chỉ là Tình yêu, mà Ngài còn là Công lí. Và toà phán xét là nơi công lí của Ngài sẽ thể hiện. Vì rằng, nếu chỉ là Tình yêu hay Hồng ân mà thôi, thì tôi lo gì với điều đánh cuộc của Pascal ^[2], và như thế Chúa sẽ mắc ta món nợ công lí. Tôi cứ mặc sức ăn chơi, tự do làm điều xấu, vì cuối cùng rồi thì lượng hồng ân bao la của Chúa cũng sẽ thứ tha, xoá sạch tội của tôi. Nhưng Thiên Chúa không chỉ là Hồng ân. Và hồng ân của Ngài không biến sự ác thành công lí. Kẻ bất lương không thể cuối cùng ngồi chung bàn tiệc với nạn nhân của nó. Nhưng nơi toà án của Chúa có cả hồng ân lẫn công lí, và hồng ân đó luôn đủ lớn để ta bất cứ giờ phút lịch sử nào của đời mình cũng có thể trở về cây trôn và hi vọng vào nó.

Tôi không có kết luận cho bài này, vì không đủ khả năng để nhận định hay phê bình. Mà chỉ muốn mở ra đôi điều về cuộc hành trình tư tưởng của giáo chủ Biển-đức XVI. Chúng ta đang ở trong một thời đại khủng hoảng Hi vọng (Đức tin). Cuộc khủng hoảng này bắt nguồn từ Thời mới ở Âu châu, với sự Tiến bộ của khoa học và với việc đề cao tuyệt đối Lí trí. Và khủng hoảng ki-tô giáo cũng là khủng hoảng của văn hoá văn minh âu châu. Mục tiêu của giáo chủ Biển-đức là làm sao để thế giới thoát ra cơn khủng hoảng này. Ngài đưa ra hai phương thuốc :

Thời mới phải đặt lại vấn đề niềm tin mù quáng vào Tiến bộ khoa học và vào Lí trí của mình. Lịch sử thế giới, được xây trên niềm tin đó, hơn một trăm năm qua với bao kinh hoàng và vực thẳm đã đủ để Thời mới phải đặt lại vấn đề. Nếu cứ tiếp tục chấp nhận tình trạng không người lái, chắc chắn con tàu sẽ đưa nhân loại vào những kinh hoàng vô lường khác. Đây là một đòi hỏi sống chết của Biển-đức; một mặt trận mà ngài đã mở ra từ ngày còn là một giáo sư đại học.

Phía Ki-tô giáo cũng phải xét lại mình. Xét mình để tìm lại đâu là bản chất đích thực của mình. Đâu là lí do làm cạn kiệt sức sống và hiệu năng vốn có của mình, khiến mình phải rút lui vào thế thủ. Trong quá trình hai ngàn năm, Ki-tô giáo đã vì hoàn cảnh hoặc vì lòng người chất chứa lên con tàu khí cầu của mình quá nhiều thứ, khiến nó nặng nề không bay bổng lên được. Phải xem lại hành lí, lọc lựa ra cái gì là bản chất để làm hành trang lên đường. Hãy « Verwesentlichung » (bản chất hoá, tìm cái cốt tuỷ, một từ mà nhà thần học Ratzinger tâm đắc) Giáo hội. Với nhận thức này, với « *Spe Salvi* » về lòng Cây tiếp theo « *Deus caritas est* » về lòng Mến, giáo chủ Biển-đức đã đưa ra cho chúng ta hai nét bản sắc tuyệt đẹp của Ki-tô giáo, những thứ mà, nếu xét cho kĩ cùng, không một tôn giáo nào khác có thể cung ứng cho ta được.

Nắm được sợi chỉ đỏ trên, ta sẽ hiểu rõ hơn về hành trình tư tưởng đã, đang và sẽ tới của Giáo chủ.

Augsburg, ngày 10.01.2008

Phạm Hồng-Lam

[1] Cuối thế kỉ 18, hoàng đế Napoléon cho triệu nhà vật lí nổi danh Laplace vào cung, để trình bày cho ông về hình ảnh thế giới theo bước tiến của khoa học thời đó. Laplace say sưa thuyết giảng cho vị Hoàng đế ham học hỏi. Cuối phần thuyết trình, Napoléon bất ngờ hỏi: "Thế còn Thiên Chúa?" Laplace đứng thẳng người, kênh kiệu trả lời: "Thiên Chúa? Tôi chẳng cần gì tới giả thuyết ấy nữa!"

[2] Pascal đưa ra một đánh cuộc nổi tiếng về Thiên Chúa và cuộc sống như sau: Nếu tôi sống đàng hoàng như có Thiên Chúa, mà cuối cùng không có Ngài hiện diện thật sự, thì tôi có thể chỉ mất đi một phần nào vui thú cuộc đời thôi, nếu tôi đã không sống một cách ích kỉ. Còn nếu tôi sống phóng túng như không có Chúa, mà cuối cùng lại có Ngài thật sự, thì tôi sẽ phải lãnh án phạt đời đời.

VỀ MỤC LỤC

CUỘC SỐNG KHÔNG CÔNG BẰNG

"Nhân có mấy người nói về Đền Thờ được trang hoàng bằng những viên đá đẹp và những đồ dâng cúng, Chúa Giêsu bảo: 'Những gì anh em đang chiêm ngưỡng đó sẽ có ngày bị tàn phá hết, không còn tảng đá nào trên tảng đá nào.' Họ bảo Người: 'Thưa Thầy, vậy bao giờ các sự việc đó sẽ xảy ra và khi sắp xảy ra thì có điềm gì báo trước?'"

Chúa Giêsu đáp: 'Anh em hãy coi chừng kẻo bị lừa gạt, vì sẽ có nhiều người mạo danh Thầy mà đến nói rằng: 'Chính ta đây' và: 'Thời kỳ đã đến gần'; anh em chớ có theo họ. Khi anh em nghe có chiến tranh, loạn lạc thì đừng sợ hãi. Vì những việc đó phải xảy ra trước, nhưng chưa phải là chung cục ngay đâu.'

Rồi Người nói tiếp: 'Dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. Sẽ có những trận đông đất lớn và nhiều nơi sẽ có ôn dịch và đói kém; sẽ có những hiện tượng kinh khủng và điềm lạ lớn lao từ trời xuất hiện.'

Nhưng trước khi tất cả các sự ấy xảy ra thì người ta sẽ tra tay bắt và ngược đãi anh em, nộp anh em cho các hội đường và bỏ tù, điệu anh em trước mặt vua chúa quan quyền vì danh Thầy. Đó sẽ là cơ hội để anh em làm chứng cho Thầy.

Vậy anh em hãy ghi lòng tạc dạ điều này là anh em đừng lo nghĩ phải bào chữa cách nào. Vì chính Thầy sẽ cho anh em ăn nói thật khôn ngoan, khiến tất cả địch thủ của anh em không tài nào chống chọi hay cãi lại được.

Anh em sẽ bị chính cha mẹ, anh chị em, bà con và bạn hữu bắt nộp. Họ sẽ giết một số người trong anh em. Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. Nhưng dù một sợi tóc trên đầu anh em cũng không bị mất đâu. Cố kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình." (Lc 21, 5-19)

Đoạn Phúc Âm trên đây nhắc nhở chúng ta bằng những ngôn từ sâu sắc nhưng đồng thời cũng đầy xúc động là mỗi một cuộc sống đều có một khởi đầu, một đoạn giữa và một chung cục. Cuộc sống bao giờ cũng có một chương cuối cùng, một lúc đóng cửa hạ màn. Cuộc sống sẽ chấm dứt một ngày nào đó và chúng ta không thể làm gì được.

Có người chết khi còn trong bụng mẹ, kẻ khác chết khi còn trẻ thơ, có người chết lúc nửa

chúng ta và người khác lại rất trường thọ. Tại sao Chúa cho một số người sống rất lâu, trong khi có người thì đoản số. Đó là một điều mà không bao giờ người ta hiểu biết được. Đó là bí mật của Thiên Chúa và Ngài không mạc khải cho ai hết.

Đóng cửa hạ màn

Cha Tom dạy tôi triết học ở Đại Chung Viện. Nhiều năm sau, ngài đi đến *Nagur*, miền Trung Ấn Độ, như người đi tiên phong để bắt đầu xây dựng Dòng Đa-Minh. Bốn mươi năm sau, khi ngài đáp chuyến xe lửa tốc hành ban đêm từ Tân Đê-li (New Delhi) để trở về nhà, sau khi giảng tĩnh tâm thường niên cho một cộng đoàn nữ tu. Ngài đã bị mệt mỏi rất nhiều về thể xác mà không hề hay biết. Khi ngài ngủ trong cái nóng nực về đêm, cơ thể ngài bị chứng loại nước (mất nước). Ngài rơi vào hôn mê và người kiểm soát vé trên tàu đã bắt gặp ngài chết khi xe lửa tới Nagur.

Ngài đã cho đất nước Ấn-độ tất cả. Ngài là một trong những vị anh hùng của tôi. Tôi không có ý muốn tìm hiểu tại sao cha Tom lại ra đi trong những trường hợp đau buồn và đơn độc như thế. Có nhiều điều chúng ta sẽ không bao giờ hiểu hết được. Đường lối của Chúa không phải là đường lối chúng ta; tư tưởng của Ngài không phải tư tưởng chúng ta. Giờ đây, tôi thích am hiểu như thế.

Dù sao, cuối cùng cái chết của cha Tom nhắc nhở chúng ta một cách đau buồn là cuộc sống không phải luôn luôn công bằng hợp lý. Hãy nhìn vào bên trong con người chúng ta sẽ thấy biết bao vết thương tinh thần: những thất bại, chán chường, thảm cảnh và có thể nhiều năm âm thầm vô vọng. Đôi khi chúng ta phải chịu đựng rất lâu dài và nghiệt ngã cho đến nỗi chúng ta có cảm tưởng không chịu đựng được nữa, kể cả muốn chết đi.

Đích điểm cao hơn

Chúa Giêsu rõ biết những tình cảm trống rỗng đó và Ngài cũng thấu hiểu có những lúc chúng ta cảm thấy như thế trong cuộc đời. Trong đoạn Phúc Âm trên đây, Ngài liệt kê một số sự kiện kinh sợ có thể xảy ra: bão tố, tai nạn, lụt lội, bị phản trắc, bệnh hoạn bất thường và cả chết chóc nữa. Trong khi rõ biết những điều dữ có thể xảy tới cho người lành, đồng thời Ngài cũng nói cho biết là *"không một sợi tóc nào trên đầu các anh em rơi xuống"* mà Thiên Chúa không biết.

Đó là cách nói đặc biệt của Ngài: dù bất cứ điều gì xảy đến, hãy tin thác Ngài. Ngài là Thiên Chúa, quan phòng mọi sự. Đừng bỏ cuộc. Đừng trốn chạy khi đối diện với những bất trắc của cuộc sống. Hãy ngước mắt lên cao! Hãy ở lại trong Thầy và Thầy ở với anh em. Cùng nhau chúng ta làm thành số đông. Nên chờ đợi và sẽ thấy.

Robert Browning đã viết những vần thơ tuyệt đẹp trong bài thơ ***Perfection*** (*Sự Tuyệt Hảo*):

"Chúa ngự trên trời cao,

Mọi việc dưới thế được ổn định."

Đó là điều Chúa Giêsu đã phán dạy. Đó là lời hứa của Ngài. Và một lời hứa là một lời hứa!

Tôi đang đọc câu chuyện truyền cảm về một bà mẹ đã tận tình chăm sóc cho người con gái yêu quý bị hôn mê trong hai mươi tám năm rồi. Tận tình chăm sóc cho con gái yêu có nghĩa là phải dứt cho ăn mỗi hai giờ, chích insulin mỗi bốn giờ, thay áo quần chần mền nhiều lần trong ngày, quỳ tiền để trả y phí và mỗi đêm ngồi trên một chiếc ghế bên cạnh con gái mình. Tại sao?

Bởi vì hai mươi tám năm về trước, con gái của bà là *Edwarda*, lúc bấy giờ được mười sáu tuổi, đã van xin mẹ mình, trước khi rơi vào hôn mê do bệnh tiểu đường: *"Mẹ ơi, xin đừng bỏ con."* Mẹ em là *Kaye* đã đáp lại: *"Con ơi, mẹ sẽ không bao giờ bỏ con. Mẹ hứa với con và một lời hứa luôn luôn là một lời hứa."*

Hai mươi tám năm sau, người mẹ đặc biệt đó còn ngưỡng mặt lên cao và còn tiếp tục giữ lời hứa.

Vâng, chúng ta đang sống trong một thế giới phức tạp và cũng khó thấu hiểu Thiên

Chúa. Tuy nhiên Thiên Chúa là Đấng muôn đời lạc quan, đang mời gọi chúng ta say mê ôm chặt cuộc sống và ước mơ những giấc mơ cao đẹp. Cho dù cuộc sống có bị thất bại và phải quay trở lại, chúng ta phải nhắm tới một đích điểm cao hơn, phải chịu đựng và tín thác bởi vì có Chúa bên cạnh chúng ta, cuộc sống chắc chắn phải là cuộc sống của chúng ta.

Linh Mục Vincent Travers, OP

Hương Vĩnh chuyển ngữ

VỀ MỤC LỤC

BẰNG HÀNH ĐỘNG, KHÔNG BẰNG LỜI NÓI

- Bao nhiêu lần mẹ đã nói với các con rửa tay trước khi ngồi vào bàn ăn. Đi rửa ngay, cả ba đứa. Không được trở lại bàn cho đến khi đã rửa tay sạch sẽ.

Ba chiếc ghế được kéo lui. Cả ba đứa rời bàn trong khi bà mẹ tiếp tục cho đứa bé một tuổi ăn.

"Bao nhiêu lần mẹ đã nói với các con". Hàng ngàn lần bởi hàng ngàn bố mẹ đã nói như thế trong một giọng điệu thất vọng. Câu này có mục đích diễn tả một sự chán nản thất vọng. Thật là vô ích nếu nó được dùng như một phương cách huấn luyện. Sự kiện cho thấy rằng chỉ nói mà thôi không phục vụ công việc giáo dục cách tốt đẹp được. Trẻ con học rất nhanh. Nói ít thường cho đứa trẻ thấy rằng hành động mới thích hợp cho những bất tuân của nó. Từ đó trở đi, đứa trẻ biết hành vi của nó như thế thì không được ổn.

Tại sao 3 đứa trẻ tiếp tục trở lại bàn ăn mà không rửa tay? Mục đích ẩn dấu của chúng là gì? Cái gì sẽ xảy ra như một kết quả đương nhiên? Bà mẹ sẽ làm gì? Bà hồi hộp về chuyện đó?

Cả 3 đứa thấy rằng đứa bé nhất đang lôi kéo sự chú ý của mẹ. Thành linh bà để ý đến những bàn tay dơ. Bây giờ 3 đứa khác cũng được bà chú ý. Chúng đã chống lại một luật lệ và đã chiếm được một sự đáp trả. Bà mẹ đã chú ý đến bàn tay của chúng và phục vụ đúng mục đích của chúng. Thật là khủng khiếp đi rửa tay như chúng đã được bảo. Nếu vậy làm sao có thể làm cho bà mẹ bận rộn với chúng.

Nếu bà mẹ thật sự muốn thay đổi hạnh kiểm của các đứa trẻ, bà phải hành động. Lời nói không có giá trị. Không trọng kính con trẻ, bà không thể quyết định điều chúng nó sẽ làm. Nhưng bà có thể quyết định điều bà sẽ làm. "Mẹ sẽ không ngồi vào bàn với các con khi các con có những bàn tay bẩn thỉu dơ dáy". Và bà thu dọn các đĩa và không phục vụ thức ăn cho những ai có bàn tay bẩn thỉu. Lần thứ hai, bà mẹ thấy những bàn tay bẩn thỉu ở bàn ăn, bà không cần phải nói lý do bà không phục vụ thức ăn. Bây giờ tình hình được thay đổi. Con cái không còn có mẹ bận rộn với chúng nữa. Vậy, những bàn tay bẩn thỉu đó còn có mục đích gì bây giờ?

Bà mẹ nhìn ra chiếc cửa sổ nhà bếp để xem cậu bé Vĩnh 8 tuổi, lớn nhất trong 4 đứa, đang nhắm cửa sổ của người bạn với chiếc súng liên thanh của nó.

- Vĩnh con ơi, lại đây mẹ muốn nói với con!

Cậu bé hạ súng xuống và chạy tới mẹ, người đang mở cửa cho nó. Bà dẫn nó tới một chỗ trong vườn, đặt nó ngồi trên bục gỗ, còn bà ngồi trên chiếc ghế và nói:

- Con ơi, con biết rằng khi bố mẹ mua cho con chiếc súng này, bố mẹ đã nói với con về những nguy hiểm của nó. Bố mẹ đã thiết kế một phòng riêng để nó không làm hại ai, cũng không làm hư hỏng đồ vật. Có phải không?

Cậu bé nhìn mẹ với sự ngây thơ, mắt mở rộng, và cho một ấn tượng thích thú trong buổi hội ngộ, nhưng không trả lời.

- Con có biết rằng súng đó có thể làm bể kiếng cửa sổ của bà bạn bên cạnh không? Cậu

bé nhướng mắt lên. Con thấy đó, có một sức mạnh với những viên đạn này. Nếu trúng ngay góc, cửa sổ sẽ bị bể. Con có muốn làm điều đó không? Cậu bé hạ mắt xuống. Con ơi, con biết rằng nếu con làm bể cửa sổ của người ta, con phải đền đó. Con có muốn điều đó xảy ra không? Cậu bé liếc nhìn mẹ nhưng vẫn không nói gì. Con không muốn đem súng xuống lầu dưới và chơi trong phòng mà bố mẹ đã làm sẵn cho con bắn súng sao? Mẹ nghĩ như vậy thì lịch sự biết bao.

Cậu bé gật đầu, lê bước, và nói:

- Con ra ngoài chơi.
- Tốt, nhưng con phải bỏ súng trong phòng.
- Vâng, vâng, cậu bé đáp lại với cái nhún vai.

Một ít ngày sau, bà mẹ khám phá ra con mình bắn chai và lon ở dãy nhà gần đó. Bà mẹ gọi nó về để khuyên dạy. Bà mẹ lặp lại những lời cảnh cáo. Bà mẹ lại nhắc nhở nó về những nguy hiểm của cây súng. Một lần nữa, sau khi nghe xong, nó bỏ cây súng trong phòng và chạy ra ngoài chơi trò chơi khác.

Bà mẹ với quan niệm nên dùng lý luận với đứa trẻ, đã không tin rằng bà nên dùng hình phạt hoặc áp đặt đứa trẻ. Vì thế, bà không làm gì khác ngoài trừ lời nói. Nhiều cha mẹ đã nói quá nhiều. Đứa trẻ có mục đích đằng sau hành vi của nó, và vì thế không có ý định thay đổi. Nó cảm thấy quá nhàm và vô nghĩa. Nó trở thành "Mẹ Điếc". Cái điếc này bao gồm bất cứ ai muốn dùng lời như một phương tiện để hướng dẫn. Bố mẹ và thầy cô biết một số lớn trẻ con không muốn nghe một lời họ nói. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục phương cách vô ích đó bằng cách tăng gấp bội những cố gắng vô dụng của họ.

Lời nói được xem là phương tiện của đối thoại. Tuy nhiên, trong tình thế xung khắc, đứa trẻ không muốn nghe, và lời nói trở nên khí giới. Không có gì có thể chuyển tới đứa trẻ bằng lời nói vào lúc xảy ra sự xung đột. Vào lúc đó, nó chỉ muốn làm ngơ giả điếc. Bất cứ gì được nói ra cho nó sẽ trở thành đối tượng cho những đáp lời của nó. Một trận chiến bằng lời xảy ra. Ngay cả đứa bé không nói gì đáp lại, nó cũng kháng cự và kháng cự trong hành động chứ không phải bằng ngôn từ. Cố ý kháng cự hoặc gây thiệt hại là những hình thức hành động thông thường nhất của đứa trẻ.

Cậu bé Vĩnh có vẻ lắng nghe vì hành động đó có mục đích. Nó thật sự không nghe một lời nào cả. Nó không có ý thực hành những chỉ dạy nó nhận được. Tò ra lắng nghe là giá ít nhất phải trả để đạt cái đích của nó. Nếu bà mẹ thật sự quan sát và hiểu được cách diễn tả trên vẻ mặt của nó, bà sẽ thấy rằng nó đang đánh lừa bà.

Nếu lý luận không kết quả và bà mẹ không tin vào sự trừng phạt, phải làm gì bây giờ? Bà mẹ có thể hành động. Bà có thể lấy súng khỏi cậu bé và nói: "Mẹ lấy làm hối tiếc thấy con không thích tuân theo luật lệ. Con có thể có lại súng khi con tỏ ra tử tế". Điều đó có thể làm một hoặc hai lần. Sau đó, chiếc súng nên lấy đi. Tuyệt đối không cần nói thêm điều gì nữa cả.

Lm.levanquang, tiến sĩ tâm lý

VỀ MỤC LỤC

Biến hình là hiển mình

Sáu ngày sau khi Phêrô tuyên tín Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa hằng sống và cũng sau khi ông bị khiển trách là Xatan vì khuyên can Thầy đừng đi vào con đường khổ nạn như Người đã tiên báo (x. 16, 13-23), Chúa Giêsu dẫn ba môn đệ lên núi, cho các ông diện kiến vinh quang rạng ngời của Thiên Chúa đúng như Phêrô đã tuyên xưng trước đó. Với biến cố này, Chúa Giêsu muốn cho Phêrô, Giacôbê và Gioan cũng như cho mỗi người tín hữu chiêm ngưỡng trước vinh quang mà Người sẽ lãnh nhận cách hoàn hảo sau cuộc Thương Khó.

Đem ba môn đệ đi theo mình, Chúa Giêsu không chỉ muốn các ông chứng kiến, chạm đến con người Thiên tính của Người; không chỉ muốn các ông nghe trực tiếp lời minh chứng của Chúa Cha về Người mà còn để củng cố niềm tin cho các ông nữa. Ba môn đệ là những người đầu tiên bước theo Chúa. Các ông là những cột trụ của Giáo hội sau này. Chính vì thế, biến cố hôm nay là một biến cố rất quan trọng cho đức tin của các ông mà Chúa Giêsu cách nào đó muốn tỏ hiện để củng cố niềm tin vốn còn yếu nơi con người các ông.

Ba môn đệ đã thấy gì? Tin mừng cho chúng ta biết các ông đã thấy dung nhan của Thầy mình “chói lợi như mặt trời” và *y phục của Thầy thì “trắng tinh như ánh sáng”*. Các tác giả thể văn khai huyền thường miêu tả sự sáng ngời của những người lành thánh bằng hình ảnh sáng chói như mặt trời. Cũng vậy, thánh sử Mátthêu đã diễn tả dung nhan và y phục rạng ngời của Chúa Giêsu tựa như ánh sáng mặt trời – một sự chói lợi vinh quang Thiên tính không thể diễn tả, nhằm giúp cho các môn đệ chiêm ngưỡng vẻ đẹp vinh quang rạng ngời của Chúa Giêsu.

Bên cạnh đó, cả ba môn đệ đều chứng kiến sự hiện diện của hai nhân vật vĩ đại trong Cựu ước là Môsê và Êlia đàm đạo với Chúa Giêsu. Chiêm ngưỡng cảnh huy hoàng này khiến thánh phêrô phải thốt lên : “Lạy Ngài, chúng con ở đây, *thật là hay*” và *xin được dựng lều ngay lập tức để giữ* mãi giây phút thiên đàng ấy. Không phải ngẫu nhiên mà Tin mừng Nhất lãm đều nói đến sự hiện diện của hai nhân vật trong Cựu ước là Môsê và Êlia.

Chúng ta biết, Môsê và Êlia là hai nhân vật quan trọng của Cựu ước cũng như trong lịch sử dân Dothái. Môsê đại diện cho Lễ luật dân Dothái. Thông qua ông, Giavê Thiên Chúa đã ban xuống cho dân Người những giới luật làm kim chỉ nam, hướng dẫn tinh thần cho dân tộc Dothái. Môsê chính là con người của Biển Đỏ, con người của núi Xinaï và là con người của cuộc Xuất hành. Còn Êlia là một Ngôn sứ vĩ đại, ông đại diện các Ngôn sứ. Chính ông là người chịu nhiều đau khổ vì Giavê Thiên Chúa, vì dân tộc Israel để rồi sau đó được cất lên trong vinh quang.

Cả hai ông đều có kinh nghiệm tiếp xúc với Giavê Thiên Chúa và được chiêm ngưỡng vinh quang của Người trên núi Sinai và Khô-rếp. Đặc biệt hơn, khi nhắc đến tên hai ông, Tin mừng Nhất lãm không chỉ nhắc đến những công trạng của các ông mà còn nhắc đến toàn bộ Kinh thánh Cựu ước mà hai ông đại diện. Mà Kinh thánh Cựu ước là gì nếu không phải là lời loan báo về một Đấng Mêsia chịu nhiều đau khổ để đạt đến vinh quang?

Các môn đệ còn được nghe tiếng nói phát xuất từ Chúa Cha xác nhận nhân thân của Thầy: “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người. Các ngươi hãy vâng nghe lời Người”. Chúng ta nghe rất quen câu nói này, bởi đã một lần được nhắc đến trên dòng sông Giođan khi Chúa Giêsu chịu phép rửa. Đồng thời chúng ta cũng thấy lạ, bởi hôm nay Chúa Cha không chỉ tái khẳng định lời Người đã nói mà còn kéo thêm một lệnh truyền: hãy vâng nghe lời Người. Ngày xưa, dân Dothái được khuyên nhủ hãy vâng nghe lời Môsê và các ngôn sứ là những người thay mặt Giavê Thiên Chúa đến lãnh đạo họ. Ngày nay, Chúa Giêsu chính là Môsê mới và chính Chúa Cha nhắc nhở các môn đệ cũng như cho tất cả chúng ta hãy vâng nghe lời Người, mời gọi các ông biết đón nhận những biến cố trong cuộc Khổ nạn – Phục sinh của Thầy để có thể trở nên những chứng nhân đích thực.

Mùa Chay chỉ thực sự có ý nghĩa khi mỗi người chúng ta để cho Chúa biến đổi đời sống mình. Biến hình là hiển mình. Chúa biến hình nhằm giúp chúng ta ý thức rằng vinh quang mà Chúa tỏ hiện hôm nay sẽ trở nên trọn vẹn khi Người chấp nhận cuộc Khổ nạn, chấp nhận thập giá để cứu rỗi nhân loại. Mỗi người chúng ta cũng được mời gọi biến đổi khi biết chấp nhận một cuộc thanh tẩy tâm hồn, tránh xa những cạm bẫy tội lỗi, những tư lợi nhỏ nhen ích kỷ hầu có thể đón nhận ơn thánh Chúa.

Lm Jos. Phạm Ngọc Ngôn, Csjb

VỀ MỤC LỤC

THỰC SỰ CÓ SATAN, VÀ ĐỨC KITÔ ĐÃ THẮNG NÓ

Bài chú giải Tin Mừng Chúa Nhật Thứ Nhất Mùa Chay

của Cha Raniero Cantalamessa, OFM Cap.

THÀNH VATICAN, Ngày 8 tháng 2 năm 2008 (Theo Tin Zenith.org)

Ma quỷ, thờ quỷ và những hiện tượng liên quan đến chúng là những điều có tính cách thời sự ngày nay, và làm cho một số đông trong xã hội chúng ta phải bối rối.

Thế giới kỹ thuật và kỹ nghệ của chúng ta đầy dẫy những nhà ảo thuật, phù thủy, những người theo thuyết thần bí, theo thuyết duy linh, thầy bói, thầy bùa, thầy chú, cũng như những tà giáo thờ Satan thật sự. Bị đuổi ra khỏi cửa, ma quỷ lại vào qua cửa sổ. Bị đức tin xưa đuổi, chúng trở lại qua ngả mê tín dị đoan.

Cảnh Chúa Giêsu chịu cám dỗ trong hoang địa được đọc trong Chúa Nhật Thứ Nhất Mùa Chay giúp cho chúng ta thấy vấn đề một cách rõ ràng hơn. Trước hết, có ma quỷ hay không? Điều đó có nghĩa là chữ "ma quỷ" thực sự ám chỉ một cá thể có trí thông minh và ý chí, hay chỉ là một biểu tượng, một cách nói về tổng thể những sự dữ về luân lý trên thế gian, một sự vô thức tập thể, một bệnh tâm thần tập thể, vv...?

Nhiều người thông thái không tin rằng có ma quỷ theo nghĩa thứ nhất. Nhưng cũng phải ghi nhận rằng có nhiều tác giả vĩ đại, như Goethe và Dostoyevsky, thực sự đặt nặng sự hiện diện của Satan. Baudelaire, không phải thiên thần, đã nói rằng "cách lừa đảo hay nhất của quỷ là làm cho người ta tin rằng không có nó."

Bằng chứng chính của sự hiện diện của ma quỷ trong Tin Mừng là nhiều lần Chúa chữa những người bị quỷ ám, bởi vì những niềm tin của người thời xưa về nguồn gốc của một số bệnh tật có thể đã ảnh hưởng đến việc giải thích các biến cố này. Bằng chứng là việc ma quỷ cám dỗ Chúa Giêsu trong hoang địa. Đời sống của nhiều vị thánh đã chiến đấu không ngừng với ông hoàng tăm tối cũng là những bằng chứng rằng có ma quỷ. Các ngài không phải giống như "Don Quixote" đánh nhau với quân thù tưởng tượng. Ngược lại, các ngài là những người rất thực tế, và khỏe mạnh về tâm thần.

Nếu nhiều người coi việc tin rằng có ma quỷ là ngớ ngẩn, vì họ dựa vào sách vở, họ bỏ nhiều thì giờ tìm kiếm trong thư viện; nhưng ma quỷ không quan tâm gì đến sách vở, chúng để tâm đến con người, nhất là các vị thánh.

Làm sao một người bết về Satan nếu chưa bao giờ gặp thực sự Satan, mà chỉ có những tư về Satan trong các truyền thống văn hóa, tôn giáo, và chủng tộc? Họ cho rằng họ biết chắc chắn về vấn đề này và cảm thấy mình trời vượt, coi tất cả như "thuyết huyền bí thời trung cổ."

Nhưng đó là một chắc chắn giả tạo. Giống như một người đi đâu cũng khoe là mình không sợ sư tử, và chứng minh điều này bằng cách nói rằng mình thấy nhiều hình vẽ sư tử mà không bao giờ cảm thấy sợ chúng cả. Ngược lại, đương nhiên là những người không tin có Thiên Chúa thì cũng không tin có ma quỷ. Nhưng thật là một thảm cảnh cho những ai không tin có Thiên Chúa mà lại tin có ma quỷ!

Nhưng điều quan trọng nhất mà Đức Tin Kitô cho chúng ta biết không phải là việc có ma quỷ hay không, mà là việc Đức Kitô đã đánh bại chúng. Đối với các Kitô hữu, Đức Kitô và ma quỷ không ngang hàng nhau, nhưng là những nguyên tắc trái ngược nhau, giống như một số tôn giáo theo thuyết nhị nguyên coi đó là trường hợp giữa lành và dữ. Chúa Giêsu là Chúa duy nhất; còn Satan chỉ là thụ tạo "đã trở thành dữ." Nếu Satan được phép có quyền trên con người bởi vì con người có quyền chọn lựa theo phe nào mình muốn, đồng thời cũng để cho con người đừng quá tự hào (xem 2Cor 12:7), tin rằng mình có thể tự lập mà không cần một Đấng Cứu Độ nào. Theo một bài hát về tôn giáo của người Mỹ Da Đen "Satan Già hóa điên (Old Satan is crazy)" thì "Nó (Satan) bắn để huỷ diệt linh hồn tôi, nhưng bắn trật nên thay vì thế lại huỷ diệt tội lỗi tôi".

Có Đức Kitô chúng ta chẳng phải sợ gì. Không có chi và chẳng ai có thể làm hại được chúng ta, trừ khi chính chúng ta cho phép chúng. Các Giáo Phụ ngày xưa đã nói rằng, sau

khi Đức Kitô đến, thì Satan như con chó bị cột ở cổng sân: nó có thể sủa và tấn công tùy thích, nhưng nếu chúng ta không lại gần nó thì nó chẳng làm hại gì được chúng ta.

Trong hoang địa Chúa Giêsu đã tự giải thoát Mình khỏi tay Satan để Người có thể giải thoát chúng ta! Đây là tin vui mà chúng ta dùng để bắt đầu cuộc hành trình Mùa Chay đi đến Phục Sinh

Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ

VỀ MỤC LỤC

Ý NGHĨA NGÀY LỄ TÌNH YÊU

Ngày lễ Tình Yêu (Valentine's Day) 14-2-2008 đã trôi qua như mọi ngày khác nhưng dư âm của nó vẫn còn vang vọng trong trí não của nhiều người.

Trước hết, Ngày Tình Yêu theo nghĩa rộng không hoàn toàn là tình yêu trai gái, nam nữ, chồng vợ, tình nhân.

Ngày Tình Yêu là chung cho mọi sinh vật đang sống trên địa cầu, người cũng như thú vật, chim muông. Chính vì ý nghĩa đó nên có nhiều đài truyền hình trên khắp thế giới, người ta đưa lên màn ảnh trong ngày này những hình ảnh của các thú vật và chim muông. Người ta gọi là: "the glamour of the animals", sức quyến rũ của thú vật hay tình yêu của thú vật.

Từ trên đi xuống, nếu bạn không phải là người vô thần thì trước hết, trong Ngày Tình Yêu, bạn hãy đặt thêm một chút tình yêu vào tay Thượng Đế, đấng cai quản muôn loài, toàn vũ trụ.

Sau đó, nói chung, bạn hãy "Phiếm ái chúng", yêu tất cả mọi người, hoặc ít hơn, tử tế với mọi người.

Ngày Tình Yêu cũng nhắc bạn yêu Dân tộc, giống nòi của bạn. Chắc chắn nếu không có vua Lạc long Quân và Hoàng hậu Âu Cơ thì không có bạn, không có tôi. Lại nữa, những vị đó và hàng vạn, hàng triệu vị khác, trong đó có tổ tiên, cụ kị, ông bà, cha mẹ bạn và tôi đã dày công vun đắp nên cái mảnh giang sơn gấm vóc, cái miếng đất nhỏ bé tươi đẹp làm tổ ấm cho bạn, cho tôi khi chúng ta mới chào đời. Sau đó lại nuôi sống, chăm sóc để chúng ta trưởng thành và có ngày nay.

Rồi cha mẹ, chú bác, cô dì cậu mợ, anh chị em bạn, tất cả đều đã góp phần vào việc đào tạo con người bạn, ngay các thầy cô dạy học, các bạn bè cùng lớp, họ cũng đã góp phần, nhiều hoặc ít, hoặc ảnh hưởng đến con người của bạn.

Lấy một thí dụ nhỏ: bạn giở ra đọc một tạp chí, một tờ báo giấy hay báo điện tử, (loại báo lành mạnh và bổ ích) bạn đọc nhiều bài của nhiều tác giả viết trên đó. Có thể bạn chẳng để ý đến cái sức làm việc của những tác giả này và Tòa Soạn. Rất nhiều, nếu không phải là tất cả, các tác giả đã thức khuya dậy sớm, hi sinh giờ nghỉ ngơi để đọc, chiêm nghiệm rồi viết ra thành bài cống hiến cho bạn. Có tác giả có người đánh máy giúp nhưng đa phần các tác giả thời nay tự gõ lấy keyboard, viết xong, đọc lại, sửa chữa, lại đọc lại cho đến khi ưng ý rồi mới gửi bài đi cho Tòa Soạn. Với báo Việt Nam, rất ít có nhuận bút. Nhân viên tòa soạn nhận được, phải phân loại, sắp xếp, ấn định ngày đăng, có khi lại phải viết lời giới thiệu, có nhiều tác giả viết sai chính tả lại phải dò lại, sửa chữa dùm. Biết bao công việc, biết bao người làm để có một trang báo. Ấy là chưa kể tiền bạc phải bỏ ra cho trang mạng, dụng cụ hao mòn phải mua, giấy mực phải dùng, rồi máy móc hư hỏng phải sửa chữa, phải chi tiền bạc. Trang báo đang hiện ra dưới mắt bạn là thành quả của biết bao lao tâm khổ tứ, biết bao nhần nhục, chịu đựng chỉ vì những người làm ra nó yêu Nghề thuật và yêu bạn mà gửi tới cho bạn. Họ sẽ chẳng mong bạn đền đáp nhưng họ nghĩ, một khi bạn đọc được tâm tư của họ (tác giả) bạn sẽ rút ra được điều gì đó có ích lợi cho chính bạn hoặc cho cả những người xung quanh, mạnh mẽ hơn, cho nhân quần xã hội.

Vậy Ngày Tình Yêu không chỉ dành cho vợ chồng, bồ bịch, người yêu mà cho hết mọi

người, mọi vật từ con chó, con mèo trong nhà cho đến ông bà, cha mẹ, các bậc trưởng thượng...

Ngày Tình Yêu như thế không bị chúng ta giới hạn vào những quan hệ chật hẹp tầm thường mà chúng ta hướng lòng chúng ta tới những gì là cao đẹp, là Hiếu, Trung, Chân, Thiện, Mỹ.

Chúng ta cũng không nên quên tình yêu đối với thiên nhiên, cỏ cây, rừng xanh, núi đỏ, biển rộng sông dài, thứ tình yêu này bất diệt vì luôn luôn nó mang lại cho chúng ta những ích lợi vô giá về thần trí cũng như thể lực, một niềm yên ủi vô tận và quảng đại hơn bất cứ tình yêu nào.

Tôi thường nghĩ chúng ta hết thảy đều mang một món nợ đối với xã hội (xã hội đây bao gồm cả những người thân của ta). Người, ta nợ ít; kẻ, ta nợ nhiều.

Thí dụ: Tôi đã nợ cụ Nguyễn Du những bài thơ hay những đoạn thơ hay trong Truyện Thúy Kiều để ngâm nga những lúc vui, buồn, giải khuây.

Tôi đã nợ Tự lực Văn đoàn một ít bút pháp viết truyện để viết hầu bạn đọc những câu chuyện dí dỏm, dễ thương, bổ ích.

Những định đề Toán học, tôi đã dùng để giải những bài toán Hình học, tôi mắc nợ Toán học gia Euclid. Ông này người Hi Lạp, sinh 300 năm trước công nguyên. Những phương trình Đại số, Lượng giác, ngay cả những cái nhỏ nhoi, giản dị như phân số và cách áp dụng những phương trình hoặc giả thiết này để tìm ra đáp số những bài toán dễ hoặc khó...tất cả, tất cả cả tôi đều đã được vay mượn, có nghĩa tôi đã mang nợ.

Món nợ ấy, các bạn trẻ ạ, không bao giờ chúng ta có thể trả xong! Chỉ còn một cách, hãy làm đúng thiên chức của ta và hết lòng dạy dỗ lại các thế hệ đàn em, về đức trí thể dục, mới có thể trả bớt phần nào món nợ chồng chất.

Hồi còn nhỏ, sáu, bảy tuổi, mới khoảng lớp Hai gì đó, tôi nhớ ông thầy cho học một bài trong Luân Lý Giáo Khoa Thư lớp Dự bị (cours Préparatoire), có câu:

"Nếu không có người cày bừa, làm ruộng, anh không có gạo mà ăn. Nếu không có ông thợ mộc, anh không có nhà mà ở. Nếu không có người dệt vải và may vá, anh không có áo mà mặc. Nếu không có thầy dạy dỗ, trí óc anh hoàn toàn không được khai phá."

Vậy chúng ta phải biết ơn tất cả mọi người làm mọi nghề trong xã hội. Hồi đó kĩ thuật và nếp sống của con người trong xã hội còn thô sơ, số người ta phải nhớ ơn còn ít. (thí dụ, chưa có ai phát minh ra thuốc trụ sinh Penicilline). Như bây giờ, với nếp sống văn minh đầy đủ tiện nghi, lại càng có nhiều người ta phải nhớ ơn vì chính họ đã mang lại cho chúng ta rất nhiều an toàn, bổ ích, thoải mái và nhẹ nhàng của cuộc sống.

Ngày Tình Yêu chính là ngày tung lưới tình yêu của ta ra trải muôn phương, đến với muôn người, muôn vật, hàm một ý nghĩa sâu sắc nhớ ơn những gì ta đã và đang được hưởng vậy.

15-2-2008

Nhà Văn Xuân Vũ TRẦN ĐÌNH NGỌC

VỀ MỤC LỤC

Bạn ca ngợi Chúa

Tác phẩm: Câu Nguyện Cá Nhân: Bí quyết tình yêu và vui sống

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, pss.

Phần thứ hai

Đôi thoại với Chúa thế nào?

s á u

Bạn ca ngợi Chúa

Bạn ca ngợi Chúa là bạn trả lại cho Ngài sự vinh hiển mà chỉ một mình Chúa mới thực sự đáng được. Tại sao chúng ta lại chậm chạp trong việc ca ngợi Chúa? Chắc chắn vì thiếu đức tin, tình yêu và hy vọng.

Sức mạnh của lời ca ngợi

Cha sở họ Ars đã nói: "Thiên Chúa đã ban cho con người miệng lưỡi để ca ngợi." Lời ca ngợi thường được diễn tả bằng ca hát. Nhưng trước hết tôi muốn bạn hiểu rõ hơn bước nhảy vọt biến lời tạ ơn của bạn thành lời ca ngợi. Khi nói cảm ơn Chúa, bạn nhìn thấy quà tặng và ân huệ ban trải trong tất cả con người và biến cố. Còn khi đi vào lời ca ngợi thuần túy thì chính là với Chúa mà bạn nói lên "cảm ơn vì đã hiện hữu". Lời cầu nguyện của bạn trở nên tuyệt đối vô tư, hoàn toàn nhưng không.

Lời ca ngợi vượt quá tất cả mọi sự, kể cả bom đạn, hỏa hào hay tù ngục. Chính trong lúc mọi sự xem ra đều hồng cả, không có gì để có thể nói cảm ơn, và đúng hơn chính là lúc phải kêu cứu, thì lời ca ngợi còn có thể phát ra như ngọn lửa tình yêu mãnh liệt sống động.

Trước hết là chứng từ trong sách Daniel của các thanh niên Dothái: Anania, Azaria và Misael từ chối thờ lạy tượng thần, bị vua Nabuchodonosor kết án thiêu sống. Lính trói các cậu lại và ném vào lò lửa cháy phừng. Nhưng thiên thần Chúa, đáp lại lời khẩn cầu, đã xuống bảo vệ họ khỏi hỏa hào. Bấy giờ trong lò lửa, cả ba đồng thanh ca hát, ngợi khen và chúc tụng Thiên Chúa. Bạn đọc thấy trong Kinh Thánh những lời ca ngợi ấy (Dn. 3:1- 90).

Bạn có thể tìm thấy một thí dụ khác trong sách Tông Đồ Công Vụ (Act. 16: 25-28): Phaolô và Sila ca ngợi Chúa, lúc nửa đêm, khi bị giam trong ngục. Bỗng chốc một trận động đất làm rung chuyển nền móng ngục thất, mọi cánh cửa đều được mở toang và xiềng xích các tù nhân rơi xuống. Người cai ngục suýt nữa tự vẫn trước khi trở lại với Chúa Kitô. Quyền năng kỳ diệu của lời ca ngợi!

Nhưng không được coi đó như là một định luật phổ quát. Lời ca ngợi không phải là một trò ảo thuật để thoát ra khỏi những hoàn cảnh tuyệt vọng. Phép lạ lớn nhất luôn luôn nằm ở lãnh vực thiêng liêng. Maximilien Kolbe không thoát khỏi cái chết, nhưng đã chiến thắng hận thù và sự tuyệt vọng. "Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ nhục, bách hại và bị vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì phần thưởng dành cho anh em trên trời thật lớn lao" (Mt.5:11-12).

Bạn hãy ca hát cho Thiên Chúa của bạn

Những thí dụ tôi vừa đưa ra đó phải khích lệ bạn ca ngợi trong cả cuộc đời bạn. Có thể ca ngợi trong những hoàn cảnh tồi tệ nhất, thì càng có thể ca ngợi hơn nữa trong cuộc sống bình thường mỗi ngày. Lời ca ngợi cộng đồng là kết quả của lời cầu nguyện cá nhân. Để lòng nhiệt huyết của bạn với Chúa triển nở phong phú, bạn thực hành mấy cách này:

Trước hết bạn hãy xin ơn ca ngợi. Đó là thực hành mỗi sáng của những ai cử hành phụng vụ giờ kinh: "Lạy Chúa, xin mở môi con và miệng con sẽ cao rao lời ngợi khen Chúa" (Tv.50:17). Một lời cầu nguyện như vậy là cần thiết, vì lời ca ngợi là một ơn ban, chứ không phải là một việc của ý chí thuần túy. Đôi khi bạn thấy có những người hát các ca khúc vui tươi với một nét mặt chảy dài não nề làm sao! Sự bực lộ của con tim chưa có. Vậy phải ưu tiên cầu xin, hầu sưởi ấm lời ca ngợi của bạn.

Tiếp đến, bạn hãy tiên liệu một thời khắc ca ngợi trong buổi cầu nguyện cá nhân của bạn. Khởi đi từ việc cảm ơn, bạn dễ dàng tiến sang việc ca ngợi. Bạn có thể sử dụng một tập thánh ca hay thánh vịnh (hơn một nửa là ca ngợi hay tạ ơn). Bạn đừng hài lòng chỉ lẩm nhẩm, song hãy hát lớn tiếng, nếu việc đó không làm phiền kẻ khác. Dùng những bài quen thuộc. Chỉ đơn giản tìm làm vui lòng Chúa. Càng tìm lui tới những thi ca tình yêu Thiên Chúa,

bạn càng sớm nhận được bước khởi đầu của ơn linh hứng. Có những người thích ca ngợi vào cuối ngày: "Mỗi tối, tôi tìm được cả chục lý do để ca ngợi Chúa về những niềm vui trong ngày xuyên qua các biến cố khác nhau, rồi tôi xin lỗi Chúa về những gì còn thiếu tình yêu. Sau khi đã thực hành đều đặn như thế một thời gian, hôm nay tôi có thể nói rằng niềm vui của tôi đã trải ra như vậy, dường như tấm màn bao phủ trái tim tôi đã rơi xuống."

Bạn cũng có thể dùng một băng thánh ca phụng vụ để ca ngợi, hòa theo các lời, cung nhạc và tiết điệu. Cũng chẳng có gì ngăn cản bạn diễn tả lời ca ngợi với cả thân xác bạn. Nếu bạn cầu nguyện ở nơi riêng biệt, bạn có thể giang tay lên trời, nhún nhảy và mỉm cười với Chúa Giêsu đang nhìn bạn. Bạn cũng có thể múa nhảy như David đã làm trước Hòm Giao Ước. Phải chăng trong khi nhảy múa mà các người trẻ trên khắp thế giới thích bộc lộ sức sống của mình? Vậy tại sao lại không múa nhảy được cho Thiên Chúa, Đấng đã ban trao Sự Sống? Phải, Thiên Chúa quá tốt đẹp, không thể chỉ mừng lễ Ngài với lời nói. Tất cả thân xác con người, tất cả mọi nhạc cụ, tất cả vạn vật và tất cả các thiên thần đều phải được điều động vào lời Hoan Ca Alleluia liên li.

Và cuối cùng, bạn hãy đi vào sự thinh lặng tràn đầy tình yêu, vì đối với Chúa "cả sự thinh lặng cũng là lời ca ngợi". Khi bạn không thể thốt nên lời, hay khi bạn bận công việc, thì con tim chìm lắng của bạn cũng luôn thầm thì được bài tình ca cho Người Dấu Yêu. Không hề mệt mỏi, bạn hãy dâng mọi sự, kể cả những thử thách, để "ca ngợi vinh hiển Ngài". Và Thiên Chúa có đủ đôi tai thánh nhạy sẽ không để mất đi lời nào trong bản điệu ca kín đáo, càng lúc càng chuyển sang sự tôn thờ thuần túy.

Bạn hãy nói cho tôi hay bạn tôn thờ ai...

Sự tôn thờ dẫn ta đến chóp đỉnh của lời cầu nguyện. Tôn thờ nghĩa là yêu say đắm. Thánh Kinh dạy chúng ta rằng chỉ một mình Thiên Chúa đáng được tôn thờ, và đó là điều răn trọng nhất: "Con hãy yêu mến Thiên Chúa con, hết lòng con, hết linh hồn con, hết trí khôn con, hết sức lực con" (Mc.12:30).

Trở ngại lớn nhất là do các thần tượng chiếm mất cái chỗ dành riêng cho Thiên Chúa. Ngay từ lúc bạn yêu nhiều, yêu say đắm, yêu điên dại, đến độ dám nói "tôi tôn thờ" là bạn tự tạo nên cho bạn một thần tượng, để rồi bạn không còn khả năng tôn thờ Thiên Chúa chân thật, Đấng Duy Nhất.

Bạn hãy nói cho tôi hay bạn tôn thờ ai, tôi sẽ nói cho bạn biết bạn là người thế nào. Phúc Âm đã nói rõ: "Kho tàng con ở đâu thì lòng con cũng ở đó" (Mt.6:21). Điều quan trọng là phải xem xét bạn "say đắm" trong những lãnh vực nào. Tôn thờ là cho đi tất cả. Như Abraham được gọi hy sinh đứa con trai độc nhất, mỗi người chúng ta cũng được mời gọi hy sinh những gì chúng ta thích thú nhất, để đem đặt tất cả vào nơi Chúa. Đối với người tôn thờ Thiên Chúa, thì tất cả những gì không phải là Chúa đều là tương đối, giới hạn và phụ tùy. Chỉ một mình Thiên Chúa là Tuyệt Đối.

Bạn hãy nghĩ bạn là gì khi đến trước sự thánh thiện chói ngời của Chúa? Thật chỉ là một chút bụi đất! Vậy hãy cúi mình sấp mặt xuống đất trong thái độ khiêm hạ nhất, để lòng bạn chìm đắm trong sự thờ phượng. Chúa sẽ tỏ mình cho bạn ngọt ngào tốt lành biết bao, và bạn dám gọi Ngài là "Cha". Trong sự thân mật của tình yêu Ngài, bạn được thúc đẩy hiến dâng cho Ngài tất cả, toàn thể bản thân bạn, với tất cả lòng tín thác. Bạn hãy nói với Ngài những lời yêu thương giản dị: "Chúa của con ơi, con yêu mến Chúa nhất trên đời này. Chúa là Người Dấu Yêu của lòng con. Con không có hạnh phúc nào lớn hơn Chúa. Con tôn thờ Chúa và con hết sức ao ước được nhìn thấy Chúa mặt đối mặt!" Mắt nhắm lại, mũi chạm đất, bạn cứ ở như vậy, lâu chừng nào bạn có thể, trước sự hiện diện của Thiên Chúa chí thánh.

Nếu bạn chưa đạt tới được sự tôn thờ nội tâm như thế, bạn hãy mở mắt ra và chăm nhìn vào một mẫu tượng, chẳng hạn một thánh giá, gương mặt Chúa đổ mồ hôi máu hay Chúa khát. Sự tôn thờ là cái nhìn ngưỡng mộ bắt gặp cái nhìn yêu thương của Chúa trên bạn. Khi bạn chiêm ngắm Chúa chịu đóng đinh, bạn tôn thờ Đấng đã chịu phó nộp vì bạn với bao đau khổ khủng khiếp. Chỉ một mình Ngài là con người có quyền được sự tôn thờ chỉ dành riêng cho một mình Thiên Chúa. Nhờ Ngài mà sự tôn thờ của bạn dựa được trên cái gì cụ thể. Các tượng thánh trở nên những cánh cửa mở ra với Đấng Vô Hình, nhất là các i-côn diễn tả kinh nghiệm chiêm niệm của các nghệ sĩ công giáo. Khi cung kính đặt môi hôn lên thánh giá hay một ảnh thánh, bạn có thể nói lên cái ngôn ngữ của tình yêu 'con tôn thờ'.

Trước Chúa Giêsu Thánh Thể

Nhưng Chúa Giêsu không chỉ hiện diện qua hình ảnh! Ngài đã muốn đến gặp chúng ta trong một sự hiện diện thực sự: Mình Thánh Chúa. Ngài có đó cho bạn, dưới hình thức rất khiêm tốn của một miếng bánh nhỏ. Tất cả hữu thể Ngài, thân xác, linh hồn, thần tính tập trung lại trong một điểm không gian hầu như vô hình và nhẹ nhàng kéo chúng ta đến với Ngài. Ngài chẳng hề gây tiếng động hay làm cái gì đặc biệt để quyến rũ sự tò mò bệnh hoạn của con người! Đó là trực giác của tình yêu dẫn đưa bạn đến ngưỡng cửa hiện diện của Chúa. Nếu bạn nhìn Ngài với con mắt đức tin, bạn cảm nhận được Mầu nhiệm phi thường. Nhà Tạm với ngọn đèn chiều đêm ngày chứa đựng một nguồn năng lượng trời vượt mọi trung tâm hạch nhân. Sự hòa trộn tình yêu giữa Tạo Hóa toàn năng với cái nguyên tử vật chất này có khả năng làm biến đổi tất cả. Đường đời trăm vạn nẻo, bạn có quên đi, nhưng đừng bao giờ quên đường đến Nhà Tạm.

Ngày nay, nhiều người trẻ khám phá được ý nghĩa sự tôn thờ Thánh Thể. Họ thích ở trước Mình Thánh Chúa hằng giờ. Họ tổ chức nổi phiên nhau chầu Chúa cả vào ban đêm, lấy làm hạnh phúc được ở gần Con Tim đang đập vì phần rỗi của thế giới. Bạn hãy nắm lấy phiên bạn trong cuộc điều động khẩn trương này. Bạn đừng bỏ qua cơ hội nào đi ngang qua nhà thờ mà không bái chào Chúa Kitô. Bạn hãy 'xài rộng' đi mười mười lăm phút trước Nhà Tạm, như là nước hoa đắt giá đổ xuống chân Chúa Chiên Lành. Bạn hãy chủ động sáng kiến, đừng đợi phải có người thúc giục lôi cuốn bạn nghĩ đến Chúa.

Khi thờ lạy Mình Thánh Chúa đặt ra ngoài, mắt bạn còn thấy rõ được Thánh Thể. Bạn hãy thình lểng kết hiệp với các anh chị em đang cùng thờ lạy với bạn, bạn càng cảm nhận sự hiện diện của Chúa mãnh liệt hơn nữa. Bề ngoài xem ra bất động, nhưng những người tôn thờ Thánh Thể đi vào một chuyển động nội tâm sâu xa. Lửa Thánh Thể qui tụ lại chung quanh mình một dân mới. Mình Thánh Chúa giống như bụi gai bốc cháy làm bạn bắt lửa như ăn nắng mặt trời, bạn cảm thấy trái tim bạn được sưởi nóng trong bình an và hoan lạc.

Phải, Mình Thánh Chúa Kitô là suối nguồn sung mãn, là bí quyết triển nở của chúng ta. Nhiều người, nam cũng như nữ, đã làm chứng về sự trở lại hay được chữa lành họ đã được ban cho khi tôn thờ Mình Thánh Chúa. Tất cả những ai có kinh nghiệm ấy đều nói: "Một lúc tôn thờ đích thực Mình Thánh Chúa có giá trị và hiệu quả thiêng liêng hơn tất cả hoạt động tông đồ mãnh liệt nhất". Chọn lựa căn bản là thờ lạy Thánh Thể hay thất vọng: "Hãy đứng lên, hỡi những người tôn thờ Thánh Thể, nếu không, lời nói của anh chị em sẽ mất đi, như hạt giống rơi xuống trên đá sỏi hay trong bụi gai. Tôn thờ Thánh Thể là chìa khóa mở được mọi vấn đề của thế giới, vì có Chúa Giêsu trong trái tim mỗi người. Chớ gì mọi người biết được điều đó. Ta có thể đạt được tất cả trong việc tôn thờ Thánh Thể. Tất cả! Tất cả! Tất cả! Cám ơn Chúa Giêsu đã ban cho bạn món quà vô giá mà chẳng ai có thể lấy đi được."

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Tình Bằng Hữu - Bạn Già

"Có bạn tốt, tốt cho sức khỏe" - Irvin Sarason

Tục ngữ Mỹ có câu nói: "Tiếp tục kiếm thêm bạn mới nhưng hãy duy trì bằng hữu cũ, vì bạn mới là bạc mà bạn cũ lại là vàng".

Cụ Nguyễn Đình Chiểu của chúng ta trang trọng bạn xưa với:

" Trong đời mấy bậc cố tri,

Mấy trang đồng đạo, mấy nghi đồng tâm"

Nhà thơ Lê Đại Thanh viết:

"Bạn là một nửa bản thân tôi

Nửa da thịt, nửa trái tim, khối óc"

Còn sau đây là diễn tả tình bạn trong Nhị Độ Mai:

"Nghĩa bằng hữu bậc trung trinh,

Thấy hoa mai bỗng động tình xót xa"

Nhiều vị tuổi cao cũng có ý nghĩ rằng khi về già, ngoài việc có một sức khỏe tốt, một gia đình êm ấm, thì tình bạn lâu năm là một hành trang quý giá mà họ đã mang theo được cho tới giai đoạn cuối của cuộc đời.

Vậy thì bạn hữu là gì?

Hiểu theo nghĩa thông thường, bạn là một nhóm người thường thì không có liên hệ ruột thịt, gắn bó với nhau qua những tương đồng về hoàn cảnh sinh sống.

Họ đến với nhau trong tâm đầu ý hợp, bằng kết nối những tâm tư, những nguồn giao cảm gần giống nhau.

Họ thân với nhau để chia sẻ vui buồn, để cùng thực hiện những hoài bão chung, để nương tựa lẫn nhau.

Họ hiểu nhau, tin tưởng nơi nhau, thích nhau. Đây là một gắn bó của sự thủy chung và thương yêu vị tha và lâu dài. Với nhau, họ là người đồng hành, là người tin cậy.

Bạn hữu khác với người quen biết, gặp nhau trong công việc hàng ngày như ở sở làm, trong cộng đồng, ngoài lối xóm. Đó chỉ là những tiếp xúc trong một thời gian giới hạn và cần thêm nhiều lời cuốn, kết nối khác nữa để chuyển sang tình bằng hữu.

Trong đời sống hàng ngày, nhiều khi người ta đã lạm dụng chữ bạn. Mới gặp nhau vài lần mà đã nói đó là bạn tôi, cứ như là thật. Ông bà chủ lấy lòng nhân viên, sai bạn ơi làm hộ tôi cái này, cái kia sao mà ngọt như mía lùi. Để rồi sa thải nhau cũng mau như cắt.

Bạn hữu thường tập trung vào mấy nhóm.

- Một số người có tinh thần độc lập, tự cho là không cần đến ai. Không phải họ sống cô độc. Nhưng, với họ, những giao tế qua lại thường nhẹ nhàng, có cũng được mà không cũng chẳng sao. Rồi tùy theo hoàn cảnh, tùy theo nhu cầu, nếu cần thì giao tiếp, nếu không có thể quên đi dễ dàng. Họ sống với hiện tại và thỏa mãn với những người mà họ mới gặp hay đã có sẵn. Cho nên khi mất một giao hữu, họ cũng chẳng tiếc mấy.

- Những người kỹ tính, lựa bạn mà chơi thì có gắn bó sâu đậm đặc biệt với một số người mà họ coi là rất thân. Nên họ buồn tiếc khi mất. Còn những liên hệ khác thì chỉ là những thiển giao, quen biết nhiều hơn là kết bạn. Họ sống nhiều với bạn xưa và không muốn tìm bạn mới khi tới tuổi cao.

- Người hiểu bạn có nhiều bằng hữu hơn: bạn quen từ những năm trước, bạn mới tạo ra sau này. Họ là những người sống với cả quá khứ, hiện tại trong tình bạn và sửa soạn cho tương lai với nhiều bạn bè. Họ luôn luôn dùng giao tế nhân sự để kiếm thêm bạn mới.

Nhiều nhà xã hội học phân biệt bằng hữu tương nhượng, bằng hữu tiếp thu và bằng hữu trong hợp tác.

Khi đôi bên cho nhau lòng trung thành và tình thương yêu thì có sự cân bằng của tình bạn, đôi bên nương tựa lẫn nhau.

Khi chỉ có một bên cố gắng hiến tất cả và bên kia không đáp lễ thì chỉ có tình bạn một

chiều.

Khi chỉ hợp tác vì một quyền lợi, một mục đích mà không có thương yêu, chung thủy thì giao tế không bền và rất giới hạn.

Đặc điểm của bằng hữu.

Khác với tình anh em, vợ chồng, bạn hữu có những sắc thái riêng biệt. Đây là một giao hảo có tính cách tự nguyện, một ràng buộc riêng tư do đôi bên hiểu ngầm thương lượng, một liên hệ qua lại trong tinh thần bình đẳng tràn đầy thiện tâm, thiện ý.

Vì tự nguyện, có quyền lựa chọn và được chọn lựa nên không ai bắt buộc ai phải là bạn. Nó cũng không có ràng buộc pháp lý như tình nghĩa vợ chồng, hoặc lễ nghĩa huyết tộc như tình anh chị em ruột thịt.

Cho nên dù có liên hệ huyết mạch, người cùng lối xóm, cùng sở làm mà không có tương khí tương đồng thì cũng không trở nên bằng hữu được. Ta có thể tỏ ra hết sức lịch sự với người cùng phòng, cùng sở nhưng không có điều gì bắt buộc ta phải thích và là bạn người đó. Ta không thể tự coi là bạn của một người khi ta không biết người đó có sẵn sàng nhận ta là bạn không. Tác giả người Pháp J Delille đã nói: "Cha mẹ là do số phận, bạn bè do lựa chọn".

Bình đẳng vì tình bạn xây dựng trên cá nhân mỗi con người. Nó không đòi hỏi sự bằng nhau tuyệt đối về học vấn, về địa vị trong xã hội, về sự giàu tiền, lắm bạc như nhau, thành công như nhau. Đã có nhiều tình bạn rất đẹp nảy nở giữa chủ và thợ, giữa thầy và trò, giữa người giàu và người nghèo.

Tình bạn cũng tôn trọng tính cách độc lập của nhau: mỗi bên có nếp sống riêng tư, tự do quyết định cho đời sống của mình mà không bị bên kia can thiệp. Không có sự áp đặt chủ - nô hoặc khuất phục như lãnh chúa độc tài với thần dân.

Trong tình bạn, đôi bên dành cho nhau những cảm tình tốt, những chăm sóc, quan tâm tận tình, những giúp đỡ khi cần và sự rộng lượng, sẵn sàng với nhau. Thiện ý này không đưa đến sự lợi dụng nhau hoặc phụ thuộc nhau. Người giúp thấy thoải mái làm mà không cho là có bốn phận hoặc bị bắt ép phải làm, mà người nhận không bị ám ảnh là đã đòi hỏi quá nhiều ở bạn.

Vì khi đã phụ thuộc vào nhau thì sự tự do, bình đẳng không còn nữa. Một tình bạn đích thực không những chỉ cởi mở để cho mà còn vui vẻ để nhận.

Tình trạng sẵn sàng với nhau cũng là căn bản của bằng hữu và trong tình bằng hữu, không có sự ghen tị mà còn cần thành thật với nhau, không màu mè, che đậy.

Để có bằng hữu

Tình bạn có thể được xây dựng trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào của con người.

Căn bản là ít nhất họ có cùng một thôi thúc tình cảm, có sự chia sẻ trao đổi những ý nghĩ giống nhau, có cùng sở thích, quyền lợi. Trong tình bạn tuy cũng có những khác biệt nhưng khác biệt này bổ túc cho nhau. Nếu hoàn toàn giống nhau thì đâu còn đối thoại, đồng cảm.

Bạn thường tìm thấy trong các nhóm có chung sinh hoạt: học cùng trường, ở cùng khu phố, làm cùng nghề, cùng thú vui giải trí, cùng lui tới cơ sở tôn giáo. Nó nảy sinh ở những lứa tuổi khác nhau. Nhóm trung niên có lợi điểm là có bạn ở mọi lứa già trẻ trong khi người già có bạn ở cùng lứa tuổi hoặc trẻ hơn.

Về giống tính thì thường thường đàn ông đàn bà đều có nhiều bạn như nhau, nhưng chồng thì không hay tâm sự nơi bạn mà tin cậy vợ hơn, còn vợ thì có nhiều bạn gái để tâm sự ngoài chồng mình.

Bằng hữu nảy sinh trong những thôi thúc tình cảm giữa hai người. Thôi thúc càng cao thì bằng hữu càng sâu đậm.

Một câu hỏi thường được nêu ra là tại sao ta có ước muốn gắn bó với đối tượng này mà lại hững hờ với đối tượng khác. Có những tình bạn xuất hiện như tia chớp trên nền trời xanh:

mới chỉ gặp một vài lần, chưa biết quá trình, hiện tại của nhau nhưng đã dành cảm tình cho nhau, đã muốn được có bạn và được nhận là bạn. Ý thức chưa thấy gì, nhưng tiềm thức đã nhận ra và tiên đoán là nhiều triển vọng tình bạn sẽ nảy nở sau này.

Sự bá vai, chèo kéo, nài nỉ không đưa tới tình bạn, như các cụ ta thường nói: "Thấy sang bắt quàng làm họ".

Đồng nghiệp, đồng sở không đương nhiên thành bằng hữu vì đây chỉ là giao tế khách quan, không vượt qua lãnh vực nghề nghiệp.

Một vấn đề tế nhị là sự xét đoán và chấp nhận trong tình bạn: nhận xét một cách khách quan về việc làm của bạn hoặc chấp nhận và hỗ trợ vô điều kiện. Đa số đều kỳ vọng có sự chấp nhận không phê phán từ bạn mình. Một số khác lại tin cậy ở nhận xét của bạn để quyết định và để học cách hành xử trong hoàn cảnh mới. Như vậy mặc dù con người không thích bị đánh giá, nhưng một nhận xét chân thành của bạn có thể có ích cho họ.

Bạn Già

Giống như khi mới mở mắt chào đời và trong thời kỳ thơ ấu, tuổi già đôi khi chịu một số phận không mấy vui là phải phụ thuộc vào người khác, nhất là sau khi đã có nhiều mất mát. Họ không còn làm việc, bị giảm lợi tức, con cái đi ở riêng, mất dần bạn bè, người thân yêu, kém sức khỏe, bệnh hoạn. Cho nên về già mà có được những bạn cố tri thân thiết hoặc tạo thêm ra những bạn mới để nương tựa lẫn nhau là một điều rất an ủi.

Nhiều người cho rằng dù họ hàng thân thuộc có giúp đỡ nhưng bằng hữu thường gần gũi nhau hơn, dễ nói với nhau hơn. Và có nhiều điều mà chính người phối ngẫu cũng không đáp ứng được bằng những bạn cố tri. Họ đã cùng vui buồn có nhau từ thuở xa xưa mà bây giờ già rồi vẫn còn qua lại. Họ nương tựa lẫn nhau để có bầu có bạn, hiểu nhau để giúp đỡ lẫn nhau. Họ lắng nghe nhau tâm sự, kể lại cho nhau những kỷ niệm, những việc đã cùng làm. Họ đối xử, xưng hô thân mật như khi còn để chòm, mấy chục năm về trước.

Thường thường người già muốn có bạn cùng lứa tuổi, có hoàn cảnh như nhau, sở thích kinh nghiệm như nhau, sống gần nhau để thuận tiện qua lại. Nhưng họ cũng có khuynh hướng là tạo thêm bạn mới ở lứa tuổi trẻ hơn để thay thế vào chỗ của những người bạn cùng tuổi sẽ lần lượt ra đi. Cũng có người già tập trung nuôi dưỡng bạn cố tri, giới hạn tìm thêm bạn mới để tiết kiệm sinh lực và để tránh gặp những trái ý không cần thiết.

Về già cũng có một số hoàn cảnh khiến cho tình bạn gặp trở ngại.

Kém sức khỏe đưa đến không cùng nhau sinh hoạt.

Quá phụ thuộc vào bạn trong các công việc hàng ngày thì đôi khi bạn cũng thấy khó chịu, xa dần.

Lại còn người già giảm khả năng đối thoại với tai nghễnh ngãng, mắt kém nhem đều dễ dàng rơi vào cảnh cô lập.

Cũng nhiều người già không có thì giờ dành cho bạn bè vì bận rộn chăm sóc cho sức khỏe của mình hoặc để nghỉ ngơi.

Ngoài ra, có trường hợp khi dư giả thì bạn bè năng tới lui, mà nghèo khó thì lại thưa vắng qua lại. Như tình huống của Nguyễn Hữu Chinh:

"Đã hẵn ai là mặt cố tri;

Giàu sang tìm đến, khó tìm đi"

Tình nghĩa vợ chồng già dù như đũa có đôi, nhưng cũng nên có những bạn riêng để phòng hờ thời gian đơn côi, góa bụa.

Khi mất người phối ngẫu, lão nam cảm thấy lẻ bóng nhiều hơn vì đã mất người bạn đầu gối tay ấp cả dăm ba chục năm.

Bình thường quý lão bà có nhiều bạn tâm tình trong suốt cuộc đời. Nhưng khi bạn hiền ra đi, thì cụ bà thấy quan hệ với bằng hữu cũ của vợ chồng giảm dần. Cũng may là các bà dễ dàng tạo thêm bạn mới, giao hảo mới bằng cách tham dự vào nhiều sinh hoạt cộng đồng, tôn giáo. Đa số bạn của cụ bà khi đó là cô quả cùng cảnh ngộ, chỉ có một số nhỏ có gia đình.

Cho nên khi còn sống với nhau mà bà vợ không chịu giao tế tạo bạn cho mình thì khi ở góa sẽ có nguy cơ cô đơn. Nhất là khi chẳng may khả năng tài chánh lại không được dồi dào.

Kết luận

Mặc dù có thể có những căng thẳng, những thay đổi ngoài tầm kiểm soát, tình bạn vẫn giúp người già cảm thấy vui lên rất nhiều. Cho nên mất một bạn cố tri là một tai biến vì nhiều người già cảm thấy không còn đủ thời gian để thay thế cái khoảng trống tình cảm đó.

Hơn nữa, như Simone de Beauvoir đã viết:

"Cái chết của người bạn thân thiết là sự đoạn tuyệt đột ngột với quá khứ của mình. Chúng ta không những mất một sự hiện diện mà còn mất cả một phần của cuộc sống mà chúng ta đã gửi gắm nơi họ".

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức Texas- Hoa Kỳ

VỀ MỤC LỤC

TẾT TÂY, BÀN VỀ TÂY VÀ TA - Chuyện phiếm của Gã Siêu.

Khi học về tâm lý, gã được biết nơi con người có hai yếu tố luôn ảnh hưởng lẫn nhau, đó là yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài.

Trước hết, yếu tố bên trong ảnh hưởng tới bên ngoài. Chẳng hạn khi buồn, ta có cảm tưởng như môi trường chung quanh cũng ảm đạm và tê tái như muốn chia sẻ nỗi buồn đang đầy ứ trong cõi lòng của ta. Vì thế, Nguyễn Du đã viết :

- Cảnh nào, cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ.

Tiếp đến, yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới bên trong. Chẳng hạn vừa mới ngủ dậy mà bỗng trời đổ mưa, ta liền cảm thấy một chút lười biếng, chả muốn bắt tay làm bất cứ công việc gì, mà chỉ muốn nằm ngủ nướng trong chăn cho đầy con mắt. Chẳng hạn đang đi thất tha thất thểu ngoài phố, bỗng nghe thấy một khúc quân hành, ta liền cảm thấy phấn chấn hẳn lên, bước đều bước theo điệu nhạc đang đưa.

Một trong những yếu tố bên ngoài khá quan trọng đó là địa dư, hay nói một cách nôm na là nơi ăn chốn ở. Yếu tố này cũng đã góp phần không nhỏ vào việc hình thành con người chúng ta. Thực vậy, nhìn vào bản đồ, gã thấy có bốn hướng : đông tây nam bắc. Như thế, người bắc khác với người nam và người phương đông khác với người phương tây.

Thực vậy, tuy cùng là dân Việt mình với nhau, nhưng người bắc có một số đặc điểm khác với người nam. Gã chỉ xin đưa ra một thí dụ nho nhỏ mà thôi.

Chẳng hạn tại miền bắc đất đai thì ít, còn sông Hồng Hà như bà già khó tính hay như cô gái đóng đanh, gây nên lụt lội thất thường. Chính vì phải đương đầu với một hoàn cảnh nghiệt ngã như vậy, nên người bắc thường chí thú làm ăn, tích lũy tiền của phòng khi tai ương hạn hán xảy ra.

Trong khi đó, tại miền nam, ruộng đất thẳng cánh cò bay, còn sông Cửu Long, như người mẹ hiền hay như cô gái dịu dàng, lụt lội cứ đúng hẹn lại lên, không có sức tàn phá dữ tợn, nhưng mang lại phù sa cùng mọi thứ tôm cá. Đứng trước môi trường được thiên nhiên ưu đãi

như thế, người miền nam thường sống một cách nhàn hạ, chả cần phải ky cóp, nhưng làm ngày nào xào ngày ấy.

Vào năm 1954, cả triệu người miền bắc di cư xuống miền nam. Sau năm mươi năm chung sống, những người bắc 54 cũng đã mang lấy không nhiều thì ít những đặc tính của người miền nam. Thành thử bây giờ họ không còn cần cù siêng năng mấy so với những người bắc 75, tức là những người vào nam sau ngày thống nhất đất nước.

Bây giờ gã xin so sánh người tây với ta. Người tây dĩ nhiên là sống ở phương tây, còn ta thì dĩ nhiên sống ở phương đông. Vị trí đông và tây này cũng đã ảnh hưởng trên con người và tạo nên những khác biệt.

Vì sống ở bắc bán cầu với khí hậu lạnh, người tây thường to con, trắng trẻo và râu tóc rậm rạp. Còn ta vì sống gần đường xích đạo, nên có vóc dáng nhỏ hơn, da vàng và râu tóc cũng thưa thớt hơn. Người tây dùng màu đen để chỉ sự tang tóc, còn ta thì lại dùng màu trắng. Người tây gọt từ dưới gọt lên, còn ta thì gọt từ trên gọt xuống. Người tây khi gọi thì ngửa tay ra mà vẫy, còn ta khi gọi thì úp tay xuống mà vẫy. Người tây không ăn thịt chó, còn ta thì lại coi thịt chó là một món...khoái khẩu. Thành thử trong những năm gần đây các thứ quán "cờ tây", "nó kia", "sống trên đời"...mọc lên như nấm, có mặt trên khắp nẻo đường đất nước, từ thành thị cho đến thôn quê.

Đó mới chỉ là những khác biệt lẻ tẻ, mà nếu kể ra thì sẽ chẳng bao giờ cùng. Trong khuôn khổ bài viết này, gã chỉ xin tập trung vào mấy điểm khác biệt chính yếu mà thôi.

Trước hết là về phép tính ngày tháng năm. Người tây căn cứ theo dương lịch. Còn ta căn cứ theo âm lịch. Vậy thế nào là dương lịch và thế nào là âm lịch ?

Dương lịch hay lịch tây là lịch tính theo mặt trời. Thực vậy, trái đất xoay quanh mặt trời cứ 365 ngày 6 giờ thì được một vòng. Vì thế, cứ bốn năm lại có một năm nhuận. Và năm nhuận được tính thêm một ngày vào tháng hai. Người tây chắc hẳn là phải ăn tết tây, tức là mừng ngày 1 tháng 1, ngày đầu năm dương lịch.

Còn âm lịch, lịch ta hay lịch tàu là lịch căn cứ vào sự vận hành của mặt trăng chung quanh trái đất. Đối với âm lịch, năm nhuận là năm có thêm hẳn một tháng. Theo Trung Quốc, âm lịch có từ thời nhà Hạ và lấy tên mười hai chi mà đặt cho mười hai tháng.

Ta chắc hẳn là phải ăn tết ta, hay còn được gọi là tết Nguyên đán, mừng ngày 1 tháng 1, ngày đầu năm âm lịch. Theo tác giả "Toán Ánh" trong "Tín ngưỡng Việt Nam" thì *"Nguyên là bắt đầu, đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên đán là tết đầu năm, mở màn cho một năm mới với mọi cảnh vật đều mới mẻ đón xuân sang"*.

Ngày nay, qua sự giao lưu văn hóa, đông và tây không còn cách biệt ngàn trùng nữa. Vì thế, ta vẫn giữ lại một số lễ tết chính, chẳng hạn tết Nguyên đán và tết Trung thu, đồng thời cũng mở rộng cửa đón nhận một số lễ tết của người phương tây, chẳng hạn tết Dương lịch. Và trong những năm gần đây giới trẻ, nhất là tại các thành phố lớn, cũng đã bắt đầu mừng những ngày lễ khác, như ngày tình nhân, ngày mẹ hiền, ngày phụ nữ, ngày quẻ dữ Halloween...Chẳng khác gì một anh chàng, vừa có họ với cô dâu lại vừa có họ với chú rể, nên khi được mời dự đám cưới, đã hăng hái phát ngôn vung vít :

- Giai hay gái, tớ đều...xơi tuốt!

Nếu đưa mắt quan sát, gã ghi nhận được hai đặc tính về con người và về xã hội. Hai đặc tính này đã tạo nên những sự khác biệt giữa ta và tây.

Trước hết là về con người. Nếu so sánh, gã thấy người tây vốn thường suy nghĩ bằng cái đầu, còn ta vốn thường suy nghĩ bằng trái tim. Nói cách khác, người tây sống bằng lý trí hơn sống bằng tình cảm, còn ta thì sống bằng tình cảm hơn sống bằng lý trí. Đối với người tây, ngang bằng xỏ thẳng, hai với hai phải là bốn, chứ không được nghiêng bên nọ, ngả bên kia. Còn ta thì khác, lắm khi nói vậy mà chẳng phải đâu và trong cách cư xử thường uyển chuyển và du di, bởi vì :

- Một trăm cái lý không bằng một tí cái tình.

Tiếp đến là về xã hội. Người tây vốn phát triển về khoa học kỹ thuật nên đòi hỏi sự chính xác. Còn ta vốn phát triển về nghề nông, nên cứ thủng thẳng mà đi. Có thể nói được rằng từ thời ông "Bành Tổ" và cho đến ngày hôm nay, xã hội ta vốn dĩ đã là một xã hội nông nghiệp :

- Nhất sĩ nhì nông,

Hết gạo chạy rông,

Nhất nông nhì sĩ.

Người dân chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa. Mà đã trồng lúa, thì đòi hỏi nhiều lao động, nhiều công sức, nhất là vào thời buổi "con trâu đi trước, cái cày theo sau", chưa được hiện đại hóa bằng những thứ máy móc linh kinh. Vì thế, cần phải đông con nhiều cháu, để cùng nhau chia sẻ và gánh vác những công việc nặng nhọc trên ruộng đồng.

Từ hai đặc điểm này, gã xin đưa ra hai điểm nổi bật, khiến cho ta hoàn toàn khác biệt với tây.

Điểm nổi bật thứ nhất, đó là đời sống tình cảm.

Như trên gã vừa mới trình bày : người tây vốn suy nghĩ bằng cái đầu, lấy lý trí làm tiêu chuẩn hướng dẫn cho mọi hành động, nên phàm bất cứ sự việc gì cũng phải hợp lý, cũng phải có cái "lô gích" của nó. Chẳng phải chỉ người Anh mới có thái độ "phớt tỉnh Ăng Lê", mà phần đông dân tây đều có thái độ ấy. Thí dụ như dân Đức máu còn lạnh và phớt tỉnh còn bạo hơn cả dân Ăng lê nữa.

Cũng từ đó, cá nhân chủ nghĩa được liên tục phát triển nơi người tây, đặc biệt trong phạm vi gia đình. Thực vậy, một gia đình của người tây thường chỉ gồm có cha mẹ và con cái. Con cái vừa mở mắt chào đời đã được đặt ngủ trong nôi, chứ không được nằm ngủ chung với mẹ. Lớn lên một tí thì ở trong phòng riêng, một vùng cấm địa mà ngay cả cha mẹ cũng phải tôn trọng. Còn cha mẹ khi đã về già, thường được gửi vào những viện dưỡng lão, thỉnh thoảng trong những ngày lễ hay những ngày nghỉ cuối tuần, con cháu mới tới thăm viếng.

Còn ta thì khác. Ta suy nghĩ bằng trái tim, lấy tình cảm làm tiêu chuẩn hướng dẫn cho mọi hành động. Và trái tim thì có những lý lẽ riêng của nó. Thành thử ở mọi nơi và trong mọi lúc, tình nghĩa lúc nào cũng lai láng và tràn đầy, nhất là trong phạm vi gia đình.

Thực vậy, gia đình ta ngày xưa, nếu đi từ người chủ, thì sẽ thấy hàng trên của người chủ là cha mẹ, ông bà, cụ kỵ. Nhưng thường chỉ có cha mẹ và ông bà, còn cụ kỵ nếu sống được thì cũng rất hiếm. Hàng ngang của người chủ là anh chị em. Còn hàng dưới của người chủ là vợ con. Tất cả cụ kỵ, ông bà, cha mẹ, con cái, anh chị em đều là những người trong gia đình và thuộc về họ nội. Riêng ông bà, cha mẹ, anh chị em của người mẹ thì thuộc về họ ngoại, tuy không ở chung cùng một gia đình, nhưng vẫn là những người trong thân quyến, có liên hệ mật thiết với nhau.

Gia đình ta ngày xưa thường quy tụ tất cả những thành phần kể trên và có thể được gọi là một đại gia đình. Nếu năm đời ở cùng một nhà với nhau, thì được gọi là ngũ đại đồng đường. Đây là một trường hợp rất họa hiếm và dường như không có, bởi vì tuổi thọ của các cụ ta ngày xưa không được cao lắm. Bốn đời ở cùng một nhà với nhau, thì được gọi là tứ đại đồng đường. Trường hợp này cũng có, nhưng rất ít. Ba đời ở cùng một nhà với nhau, thì được gọi là tam đại đồng đường. Đây là trường hợp bình thường vì chỉ gồm có ông bà, cha mẹ và con cháu. Nhiều khi những thành phần của đại gia đình này quây quần bên nhau trên một mảnh đất và làm thành như một trại gia binh.

Tình cảm mặn nồng ấy không phải chỉ gắn bó những người trong cùng một nhà, mà còn gắn bó những người trong cùng một dòng tộc. Vì thế, mỗi khi có việc hệ trọng như cưới hỏi, ta thường "nhóm họ" để bàn bạc, trao đổi ý kiến và phân chia công tác.

Tình cảm mặn nồng ấy cũng không phải chỉ gắn bó những người còn sống với nhau, mà còn gắn bó cả với những người đã khuất. Ta vốn có truyền thống biết ơn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây và uống nước phải nhớ đến nguồn, nên ta đã dành cho ông bà tổ tiên một chỗ

đứng quan trọng trong đời sống. Ta có một cái đạo rất phổ thông được gọi là "đạo ông bà", coi việc thảo kính ông bà và cha mẹ khi còn sống cũng như khi đã qua đời là một bổn phận thiêng liêng và hầu như gia đình nào cũng có một bàn thờ tổ tiên đặt ngay giữa nhà.

Điểm nổi bật thứ hai, đó là lòng quý trọng sự sống.

Người tây vốn sống theo cá nhân chủ nghĩa, lấy sự hưởng thụ của mình làm gốc, vì thế con cái nhiều khi trở thành một gánh nặng, một thứ kỳ đà cản mũi, nên cần phải loại trừ, hay ít nữa cũng phải hạn chế, "sì tốp" bớt đi cho vừa. Đồng thời trước viễn tượng một tương lai đen tối, người tây nhưng đất đai lại chẳng tăng và như vậy một mai sẽ lấy gì mà ăn, nên người ta đã quảng bá cho mọi thứ phương pháp tránh thai, ngừa thai và phá thai.

Còn ta thì khác. Câu chuyện Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, sinh được một trăm trái trứng, nở thành một trăm người con. Năm mươi người theo cha lên núi. Năm mươi người theo mẹ xuống biển, phải chăng đã trở thành một huyền sử dựng nước, mang tính cách tượng trưng cho một nền văn hóa quý trọng và phát triển sự sống.

Hơn thế nữa, xã hội ta vốn là một xã hội nông nghiệp, vì thế rất cần phải đông con nhiều cháu, để cùng nhau san sẻ những công việc đồng áng nặng nhọc. Đúng thế, ta ước mong có nhiều con, nhiều cháu. Ước mong ấy được biểu lộ bằng cách chào hỏi lẫn nhau mỗi khi gặp gỡ :

- Thế nào, được mấy cháu rồi.

Và trong dịp tết, ta thường cầu chúc cho nhau :

- Đa tử, đa tôn, đa phú quý, có nghĩa là đông con, nhiều cháu lắm tiền nhiều của.

Riêng với những anh chị mới lập gia đình thì :

- Đầu năm sinh con trai và cuối năm sinh con gái!!!

Như vậy, gia đình ta là một chiếc nôi luôn mở rộng đón nhận sự sống. Cha mẹ nào cũng mong sớm có con có cháu để bằng ấm cho vui cửa vui nhà, cũng như để nối dõi tông đường.

Sinh con là một chuyện, còn dạy con lại là một chuyện khác. Trong việc dạy con, ta có một quan niệm rất tinh tế và chính xác, khiến cho bàn dân thiên hạ phải "tâm phục khẩu phục".

Thực vậy, người tây tính tuổi từ ngày đứa con mở mắt chào đời, còn ta thì khác, ta tính tuổi đứa con ngay từ khi nó còn là một bào thai trong lòng mẹ. Vì thế, tuổi ta luôn trội hơn tuổi tây một năm.

Cũng vì quan niệm đứa con đã là người, kể từ lúc nó còn là một bào thai, nên ta chia việc dạy con làm hai thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất được gọi là thai giáo, nghĩa là phải dạy con ngay từ lúc còn trong bụng mẹ. Theo Toàn Ánh :

"Vấn đề thai giáo cũng rất quan trọng một phần vì sức khỏe của người mẹ, một phần vì mọi tư tưởng và hành động của người mẹ trong lúc mang thai đều có thể ảnh hưởng tới bào thai trong bụng. Chính vì vậy, trong lúc mang thai, người đàn bà phải bỏ buộc làm nhiều việc xưa nay không làm, và phải kiêng nhiều điều xưa nay không cần kiêng. Mọi người cho rằng sự ăn không ngồi rồi hại cho sức khỏe của người mang thai và do đó ảnh hưởng tới cả bào thai. Trong lúc có thai, người đàn bà nên hoạt động tay chân, bằng việc làm. Nhiều gia đình khá giả, xưa nay người đàn bà không phải làm lụng nhiều, thế nhưng trong lúc có thai cũng phải bày đặt ra công việc để cho tay chân cử động. Việc kiêng cử trong lúc mang thai rất nhiều :

Đầu tiên trong sự ăn uống phải tránh những đồ quá bổ béo, e cái thai quá lớn khó sinh. Ngoài ra, theo sự mê tín trong dân gian, phải kiêng không được ăn cua để tránh sinh ngang, không được ăn ngao sò ốc hến để tránh con nhiều dãi dớt, không được ăn thịt thỏ để tránh sinh con sút môi, không được ăn những quả sinh đôi để tránh sự đẻ song thai...Thường người đàn bà có thai nên ăn nhiều trứng gà để sinh con có da dẻ hồng hào. Trong vấn đề thai giáo,

người đàn bà có thai còn phải tránh mọi cảnh tượng hãi hùng hay đau đớn, mọi ngôn ngữ thô bỉ, mọi sự giận dữ, mọi tranh ảnh bất chính...Đồng thời còn phải nói năng dịu dàng, cử chỉ khoan thai, luôn tươi cười giữ cho tâm hồn ngay thẳng, nhìn ngắm tranh ảnh các vị anh hùng, những phong cảnh thanh khiết để gây ảnh hưởng tốt đẹp cho đứa con sau này”.

Tuy nhiên, đời không như là mơ, nên đôi khi đã xảy ra những chuyện chéo cẳng ngỗng. Một người mẹ trẻ trong thời kỳ mang thai đã mong ước con mình sinh ra sẽ đẹp như hoa hậu, hay ít nữa cũng đẹp như những người mẫu chân dài và sẽ thông minh như Einstein hay ít nữa cũng thông minh như một nhà bác học nào đó. Vì thế, chị ta luôn ngắm nhìn hình ảnh của những cô hoa hậu và những nhà bác học. Thế nhưng, khi được sinh ra, đứa bé lại có khuôn mặt xấu xí của Einstein và bộ óc đần độn của những cô người mẫu!!!

Thời kỳ thứ hai là được gọi là giáo nhi, tức là dạy trẻ. Cũng theo Toàn Ánh :

"Kể từ khi đứa trẻ bắt đầu hiểu biết, thì cha mẹ đã phải chăm sóc tới để nó tập giữ tính thành. Dạy con từ thuở còn thơ, có nghĩa là ngay từ lúc còn nhỏ, đã phải tập cho nó những điều hay, những điều tốt. Nhân chi sơ tính bản thiện. Mỗi người sinh ra tính vốn tốt, cha mẹ phải răn dạy con để giữ lấy tính tốt đó. Tục ngữ có câu bé không vin cả gậy ngành, có ý sánh ví đứa trẻ như một cành cây, phải uốn ngay từ lúc còn non, kéo khi lớn lên, như một cành cây già, uốn sẽ gãy”.

Thế nhưng, ngày nay, với những phương tiện thông tin hiện đại, đồng thời với xu hướng toàn cầu hóa, ta và tây đang xích lại gần nhau bằng những bước chân khổng lồ. Gã không hiểu ta đã tạo được ảnh hưởng gì đối với tây, chứ tây thì đã để lại những dấu ấn sâu đậm trên ta, khiến ta mất dần những nét đẹp truyền thống của mình. Gã xin đưa ra những thí dụ cụ thể :

Chẳng hạn về lòng quý trọng sự sống. Theo một bài viết trên Ephata thì :

Vấn đề nạo phá thai của thanh thiếu niên tại Việt Nam đang có khuynh hướng ngày một tăng cao, con số nạo phá thai hàng năm xấp xỉ với tổng số các cháu bé được sanh ra trên toàn quốc. Năm 1997, tổng số sanh trên toàn quốc là 1.138.607 ca, thì con số nạo phá thai là 934.302 ca. Năm 1998, số sanh là 1.101.791 ca, thì nạo phá thai là 861.353 ca. Riêng bệnh viện Từ Dũ mỗi năm có trên 40.000 ca nạo phá thai. Các nhà xã hội học ước tính số người nạo phá thai trong cả nước hàng năm có thể từ 2 đến 3 triệu người. Liên Hiệp Quốc cũng đã báo động và xếp nước ta vào một trong năm nước có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới.

Chẳng hạn về sự chung thủy trong tình nghĩa vợ chồng. Theo một bài viết của Nữ tu Phạm Thị Oanh thì :

Trong xã hội Việt Nam ở mọi thời đại đều thấy cảnh : lầu xanh, đa thê, tảo hôn, bán trinh để báo hiếu cha mẹ, loạn luân, đồng tính ái, đặc biệt là tệ nạn mãi dâm ngày nay đang xuất hiện dưới nhiều dạng thức: nhà hàng, cà-phê, Karaoke, xông hơi, xoa bóp, vũ trường, chat group trên Internet...

Ngoài ra nhiều hình thức văn hóa phẩm đen đã khiến nhiều bạn trẻ ngộ nhận cho rằng tình yêu chỉ là sự cuốn hút của cảm xúc, chiếm hữu, tình dục, tiền tài, thương hại. Tình trạng yêu sớm, yêu thử, yêu ào ào theo phong trào, yêu như điên, yêu hết mình xảy ra nơi học sinh cấp 2, 3, và trong giới sinh viên ngày một tăng. Đó phải chăng là những nhân tố làm nên một dòng nhạc "vô cảm" và "não tình" mà dư luận quần chúng trên báo chí gần đây đã đề cập đến khá nhiều:

- Tình yêu đến em không mong đợi gì.

Tình yêu đi em không hề nuôi tiếc.”

Tiếp đến là nhiều cặp sống chung không đăng ký kết hôn, không muốn có con để tránh trách nhiệm. Nhiều gia đình được hình thành trong một cam kết hời hợt lợi dụng lẫn nhau. Tất cả những vấn đề đó đã dẫn đến tỉ lệ ly dị ngày một tăng. Theo thống kê của Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Sài-gòn năm 2000, thì mỗi ngày trung bình có 32 vụ ly hôn, vị chỉ một năm là 11680 chỉ nguyên tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn tình trạng bạo hành trong gia đình về mặt thể chất, tinh thần và tình dục cũng rất phổ biến trong nhiều gia đình ở

thành phố cũng như ở thôn quê.

Chẳng hạn về tình nghĩa của những thành viên trong gia đình. Theo một bài viết trên báo Phụ nữ Chủ nhật số ra ngày 29.6.2003 thì tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra một vụ án đau lòng :

Một người mẹ nhẩn tâm đổ dầu sôi vào mặt con gái, người mẫu Võ Thị Thu Tâm, trước ngày cô lên đường tham dự cuộc thi "Hoa hậu liên lục địa" tại Đức. Lý do người mẹ ấy đưa ra sau khi sát hại con, đó là bà đã có hai mươi năm mua bán ve chai, vất vả nuôi con khôn lớn, để rồi khi bắt đầu nổi tiếng, cô đã mặc cảm về thân phận người mẹ, lẩn tránh sự kiểm soát của bà và đối xử tệ bạc.

Bài báo còn đưa ra những trường hợp điển hình khác nữa. Chẳng hạn mấy ngày trước, một phụ nữ ở huyện Bình Chánh trong khi cãi cọ với chồng, đã bị chồng đập cho vỡ lá lách phải cấp cứu ở bệnh viện. Tòa án tỉnh Vĩnh phú vừa tuyên án tử hình Trần Văn Nam, do ham chơi và đua đòi đã giết bà nội để lấy năm chỉ vàng và bảy trăm ngàn đồng. Một đứa con trai trong những cơn say triền miên thường hay quậy phá, gây sự với cha mẹ già và đã ra tay giết người cha 74 tuổi bằng bốn nhát dao.

Bài báo kết luận : Từ những vụ việc trên, không ít ý kiến cho rằng phải chăng những giá trị gia đình, đạo lý làm người đang bị sút giảm nghiêm trọng ? Tuy những vụ việc trên là cá biệt, nhưng đó là những báo động đỏ, là những bài học cảnh tỉnh sâu sắc cho những bậc cha mẹ, cũng như cho những người con, đánh động và thúc đẩy xã hội hướng sự quan tâm đến vấn đề giáo dục trong gia đình, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái.

Cách đây ít bữa, gã đọc được một mẩu tin như sau : Tại Hà Nội, có người đã bỏ ra bạc tỷ để xây dựng một viện dưỡng lão, đầy đủ tiện nghi và được phục vụ như ở một khách sạn năm sao. Những "đại gia" và những người giàu sang có thể gửi cha mẹ già của mình vào đó. Tuy nhiên, người ta còn đang phân vân chưa biết đặt tên cho dịch vụ này là gì ? Là báo hiếu thuê, báo hiếu mượn hay là báo hiếu thay.

Không khéo thì ta chỉ hấp thụ được những cái xấu, những cái cặn bã của người tây, để rồi trắng tay, mất cả chì lẫn chài, mất cả vốn lẫn lãi. Truyền thống cũ thì chẳng còn, mà cái mới thì lại khắp khà khắp khiêng. Tây chẳng ra tây, ta cũng chẳng ra ta. Đầu annamít, đít phăngxe mà thôi!!!

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều

cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
